

CHỦ CƠ SỞ: TRƯỜNG VĂN LÂN

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM TẠI
THÔN MAI ĐÀN, XÃ CAM CHÍNH, HUYỆN CAM LỘ**

QUẢNG TRỊ, NĂM 2023

CHỦ SỞ SỞ: TRƯƠNG VĂN LÂN

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
của cơ sở:

**TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM TẠI
THÔN MAI ĐÀN, XÃ CAM CHÍNH, HUYỆN CAM LỘ**

CHỦ CƠ SỞ



Trương Văn Lân

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG
NGHỆ MÔI TRƯỜNG MIỀN TRUNG
GIÁM ĐỐC**



Lê Văn An

Quảng Trị, năm 2023

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu	Diễn giải
1	BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
3	CTR	Chất thải rắn
4	CTNH	Chất thải nguy hại
5	GPMT	Giấy phép môi trường
6	MT	Môi trường
7	NXB	Nhà xuất bản
8	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
9	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
12	UBND	Ủy ban nhân dân

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	1
MỤC LỤC	2
DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ.....	3
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	4
1. Tên chủ cơ sở:.....	4
2. Tên cơ sở:	4
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	4
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	6
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:.....	8
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	10
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	12
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	12
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	15
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	17
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:.....	17
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:.....	18
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:.....	18
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:	19
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	23
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	23
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải, tiếng ồn, độ rung:.....	24
Chương V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	27
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:	27
2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.....	27
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:	28
Chương VI. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	30
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	31

DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH

Bảng 1.1. Nhu cầu thức ăn cho trang trại	6
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước cho chăn nuôi lợn của Dự án.....	8
Bảng 3.1. Các nội dung thay đổi so với báo cáo ĐTM được duyệt và các tác động môi trường	19
Hình 1.1. Quy trình chăn nuôi của Trang trại.....	5

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Ông Trương Văn Lân

- Địa chỉ: Thôn Đốc Kinh, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Trương Văn Lân.

- Điện thoại: 0982.872.250

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 326162; UBND huyện Cam Lộ đã xác nhận triển khai dự án.

2. Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ.

- Địa điểm thực hiện cơ sở: Thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Khu vực Dự án nằm cách đường tỉnh 585 khoảng 3,3km về phía Nam, cách đường thôn An Trung, xã Cam Chính khoảng 1,3km về phía Tây Nam. Các đối tượng xung quanh khu vực dự án cụ thể như sau:

+ Các đối tượng sông suối, ao hồ: Trong khu vực Dự án không có ao, hồ, sông, suối nào chảy qua. Giáp phía Tây và phía Nam dự án là khe nước tự nhiên, rộng 5m chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Khe nước này là điểm tiếp nhận nước mưa chảy tràn và nước thải sau xử lý của dự án.

+ Về các khu dân cư: Vị trí Dự án nằm xa khu vực dân cư, xung quanh chủ yếu là diện tích cây cao su, tràm của người dân xã Cam Chính. Cụm dân cư gần nhất cách dự án khoảng 2km về phía Đông Bắc là thôn An Trung, xã Cam Chính. Cách Dự án khoảng 2,4km và 2,5km về phía Đông Bắc lần lượt là thôn Đoàn Kết thôn Mai Đàn, xã Cam Chính.

+ Về các đối tượng khác: Cách Dự án khoảng 1,9km về Đông Nam là Trại giam Nghĩa An - Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, Bộ Công an. Cách Dự án lần lượt khoảng 3,6 km và 4,1km về phía Đông Bắc lần lượt là Trường THPT Lê Thế Hiếu và chợ Cù.

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 30/8/2021.

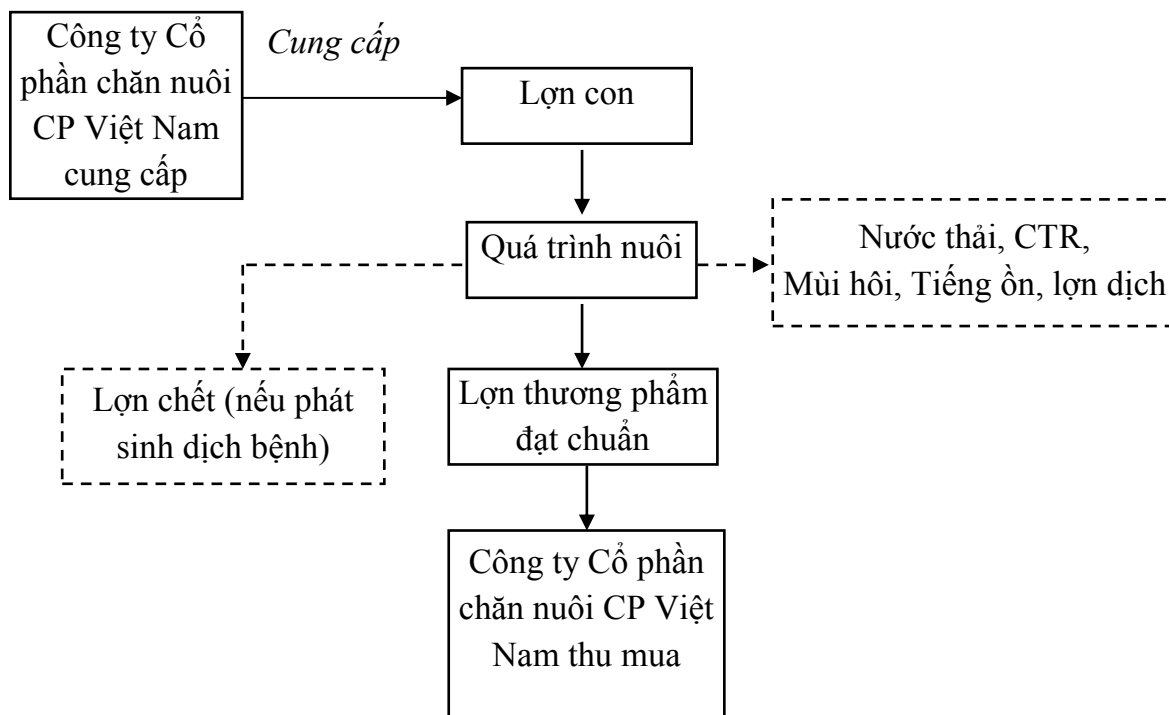
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án có Tổng mức đầu tư xây dựng Dự án: **7.000.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Bảy tỷ đồng*), sử dụng vốn tự có và vốn vay ngân hàng. Thuộc Dự án nhóm C theo Tiêu chí của pháp luật về đầu tư công.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất của cơ sở: 2.400 con lợn thương phẩm/đợt nuôi; 1 năm nuôi 2 đợt

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Quy trình chăn nuôi của cơ sở được mô tả trong sơ đồ tổng thể sau:



Hình 1.1. Quy trình chăn nuôi của Trang trại

Cơ sở hoạt động theo hình thức liên kết chăn nuôi gia công lợn thương phẩm (chỉ nuôi lợn thịt không có lợn sinh sản), trong đó lợn con, thức ăn, thuốc thú y sẽ do Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam cung cấp. Chủ Cơ sở có nhiệm vụ xây dựng chuồng trại theo đúng yêu cầu của Công ty, trang bị các dụng cụ đựng thức ăn, vệ sinh chuồng trại và chăm sóc lợn từ lúc nhập chuồng cho đến khi xuất. Toàn bộ hệ thống chuồng trại được xây dựng và chăn nuôi theo công nghệ chăn nuôi chuồng lạnh khép kín.

Lợn được Công ty cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam cung cấp với số lượng 2.400 con/đợt nuôi (1 năm nuôi 2 đợt). Lợn giống là lợn con sau cai sữa được tuyển theo phương pháp khoa học khoảng 18-30 ngày tuổi (có trọng lượng khoảng 5kg), khi đó lợn con được nhập về khu chuồng trại chăn nuôi theo quy trình đã định sẵn. Lợn được lựa chọn là những lợn khỏe mạnh, có chất lượng tốt. Lợn con được chăm sóc, theo dõi dịch bệnh nghiêm ngặt. Lợn sau khi chăm sóc, chăn nuôi từ 4-5 tháng, đạt đến khối lượng khoảng 90-100 kg/con được xuất chuồng. Khi kết thúc đợt nuôi để không chuồng trại khoảng 1 tuần, vệ sinh sạch sẽ, sát trùng và chuẩn bị đợt nuôi tiếp theo.

(Nguồn: Theo quy trình chăn nuôi lợn công nghiệp của Công ty cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam)

3.3. Sản phẩm của cơ sở: Lợn thịt: 2.400 con x 2 lứa/năm x 100kg/con = 480 tấn/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Về con giống: Cơ sở Chăn nuôi lợn thịt thương phẩm theo hình thức liên kết với công ty, trong đó lợn con, thức ăn, thuốc thú y sẽ do Công ty cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam cung cấp. Chủ Cơ sở có nhiệm vụ xây dựng chuồng trại theo đúng yêu cầu, trang bị các dụng cụ đựng thức ăn, vệ sinh chuồng trại và chăm sóc lợn từ lúc nhập chuồng cho đến khi xuất.

4.2. Nhu cầu thức ăn chăn nuôi: Trang trại sử dụng thức ăn công nghiệp dùng riêng cho từng giai đoạn phát triển của lợn thương phẩm (không sử dụng thức ăn pha trộn). Nguồn thức ăn được cung cấp bởi Công ty cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam, theo từng thời kỳ phát triển lợn sẽ có nhu cầu, khối lượng thức ăn thích hợp. Chế độ cho lợn ăn từ lúc lợn con đến khi xuất chuồng như sau:

Bảng 1.1. Nhu cầu thức ăn cho trang trại

TT	Trọng lượng lợn (kg)	Loại lợn	Nhu cầu thức ăn (kg/con/ngày)	Khối lượng (kg/ngày)
1	5,0-15	Lợn con	0,5-0,8	1.200-1.920
2	15-30	Lợn con	0,8-1,5	1.920-3.600
3	31-60	Lợn lứa	1,5-2,3	3.600-5.520
4	61kg đến xuất chuồng	Lợn thịt	2,3-2,7	5.520-6.480

Nguồn: Quy trình chăn nuôi lợn công nghiệp của Công ty cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam

Nhu vậy thời điểm sử dụng thức ăn lớn nhất tại trang trại là 6.480kg/ngày, tương đương với 259 bao loại 25kg.

4.3. Nhu cầu thuốc thú y, vắc-xin: Chúng loại thuốc thú y, vắc-xin, hóa chất khử trùng sử dụng tuân theo các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực Thú y (Thông tư số 28/2013/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam; Danh mục vắc - xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam). Về liều lượng sử dụng theo chỉ định của Công ty cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam.

Bảng 1.2. Nhu cầu vắc-xin cho hoạt động chăn nuôi

TT	Tên thuốc	Chỉ dẫn	Cách dùng và liều lượng	Thể tích/khối lượng	Nhu cầu sử dụng/5 tháng (ml)
I	Vắc xin tri bệnh				
1	Phó thương hàn lợn, dạng nước	dùng cho lợn >20 ngày tuổi. Miễn dịch 6 tháng	Tiêm bắp, hoặc dưới da. Một liều 1ml	Lọ nhựa: 10-15-20 liều, hộp 10 lọ	1.400
2	Đóng dấu lợn, dạng nước	dùng cho lợn >2 tháng tuổi, miễn dịch 7-9 tháng	Tiêm bắp, hoặc dưới da, Lợn 25kg:2ml/con	Lọ nhựa: 20 liều	2.800
3	Tụ dấu, dạng nước	Dùng cho lợn trên 2 tháng, miễn dịch 6 tháng	Tiêm bắp hoặc dưới da: Lợn 25kg, 2ml/con	Lọ nhựa: 45ml	2.800
II	Thuốc kháng sinh				
1	Ampidexalone	Điều trị viêm ruột, tiêu chảy,..	Tiêm bắp sâu, 1 ml/10kg thể trọng cơ thể.	Loại chai thủy tinh hộp 10 lọ, lọ 10ml.	1.400
2	Belcomycine	nhiễm trùng huyết do Ecoli, viêm khớp truyền nhiễm	Tiêm bắp, 1ml/20kg thể trọng cơ thể	Loại chai thủy tinh lọ 10ml	1.400
3	Ketopen 10%	Trị kháng viêm, giảm đau, hạ nhiệt	Tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch. 3ml/100kg trong lượng cơ thể. Chỉ tiêm 1 lần	Loại chai, thủy tinh lọ 10 ml.	4.200
	Tổng				14.000

+ Sát trùng chuồng trại bằng Chloramin dùng nồng độ 0,3 - 0,5% (3 - 5 g pha với 1 lít nước). Phun đều lên bề mặt chuồng trại. Cứ 250 lít dung dịch này phun cho 1.000 m² diện tích chuồng. Diện tích chuồng trại của dự án là 3.000m² cần 750 lít dung dịch, tương đương với lượng Chloramin khoảng 2.250 - 3.750 g/đợt khử trùng.

4.4. Nhu cầu sử dụng điện

- Điện năng được sử dụng cho các mục đích: thi công, chiếu sáng, sưởi ấm, bơm nước, làm lạnh, thắp sáng, sinh hoạt... Nguồn cung cấp điện: Dự án sử dụng nguồn điện lưới đấu nối với lưới điện 3 pha của địa phương để hoạt động.

4.5. Nhu cầu sử dụng nước

- Nhu cầu nước sinh hoạt: Một người sử dụng khoảng 100 lít nước mỗi ngày, do đó, lượng nước cấp cho sinh hoạt được tính toán như sau: 5 người \times 100 lít/người/ngày = 0,5 m³/ngày.

- Nước sản xuất: bao gồm nước cấp cho vệ sinh chuồng trại, nước cho lợn uống được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước cho chăn nuôi lợn của Dự án

TT	Loại nước	Số lượng (con)	Định mức (*) (lít/con/ngày)	Tổng (lít/ngày)
1	Nước uống lợn thịt	2.400	20	48.000
2	Nước rửa chuồng			2.000
Tổng				50.000

(*) Nguồn: TS. Trần Duy Khanh, Chủ tịch liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật

Như vậy, lượng nước sử dụng cho hoạt động chăn nuôi lợn của Trang trại khoảng 50 m³/ngày, nước dùng cho sinh hoạt 0,5 m³/ngày. Tổng lượng nước sử dụng 50,5m³/ngày.

- Nguồn cung cấp nước: Chủ Dự án đã tiến hành khoan 02 giếng ở khu vực Trang trại để lấy nước cung cấp cho Dự án. Qua kết khảo sát cũng như lấy mẫu đánh giá chất lượng nước dưới đất được thực hiện tại giai đoạn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thì ở khu vực dự án có chất lượng nước dưới đất tốt. Chất lượng nước đảm bảo cho hoạt động chăn nuôi của trang trại theo QCVN 01-39:2011/BNNPTNT - QCKTQG về vệ sinh nước dùng trong chăn nuôi.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

- Hình thức quản lý cơ sở: Chủ cơ sở là Ông Trương Văn Lân trực tiếp quản lý Dự án.

- Thời gian thực hiện Dự án: Đến tháng 10/2050 (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất)

-
- Chế độ làm việc và bố trí nhân lực:
 - + Thời gian làm việc 365 ngày/năm.
 - + Số lượng CBCNV giai đoạn hoạt động trực tiếp là 5 người.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Nội dung này đã được đánh giá trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở và đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị. Tuy nhiên, qua rà soát bổ sung thì Dự án Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ phù hợp với các quy hoạch, chiến lược phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt sau đây:

- Về quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia: Hiện nay, Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia đang được lập, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18/2/2020. Tuy nhiên, dự án này chỉ có tính chất xây dựng trang trại chăn nuôi ở vùng nông thôn thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh nên sẽ không đưa vào quy hoạch môi trường cấp Quốc gia.

- Về quy hoạch tỉnh: Hiện nay, Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được tổ chức lấy ý kiến các Bộ ngành trung ương. Trong dự thảo báo cáo Quy hoạch tỉnh thì có mục tiêu phát triển ngành chăn nuôi: Con lợn: Từng bước khôi phục, ổn định lại sản xuất chăn nuôi lợn; khuyến khích tái đàn lợn ở các cơ sở chăn nuôi trang trại đảm bảo quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, kiểm soát được dịch bệnh và môi trường; Phân đầu khôi phục đưa tổng đàn lợn năm 2025 lên 250.000 con và năm 2030 là: 360.000 con, trong đó đàn lợn ngoại và ngoại lai nuôi trang trại, công nghiệp đạt 50% vào năm 2025 và 70% vào năm 2030. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 30 ngàn tấn năm 2025 và 42 ngàn tấn năm 2030.

- Cơ sở phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện Cam Lộ đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của UBND huyện Cam Lộ. Hiện tại, khu vực trang trại thuộc thửa đất số 177, tờ bản đồ số 30 thuộc thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, với diện tích 13.000m² được cấp giấy CNQSD đất cho ông Trương Văn Lân. Chủ dự án đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất nông nghiệp khác để xây dựng các hạng mục công trình phù hợp với hoạt động xây dựng Trang trại.

2.2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Nội dung này đã được đánh giá trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Các công trình thu gom, thoát nước mưa: Đã xây dựng hệ thống ống thoát nước mưa tại Trang trại sử dụng mương hở, xây bằng bê tông mác 250, kích thước (0,3x0,4)m, hệ thống ống dẫn được bố trí dọc theo tuyến đường nội bộ của Trang trại với tổng chiều dài là 342m, nước mưa chảy xuống khe nước tự nhiên phía Tây khu vực Dự án

- Hình thức thoát nước mưa: tự chảy theo hướng nghiêng của địa hình ra khe suối phía Tây khu vực.

(Sơ đồ tuyến thoát nước mưa kèm theo ở phụ lục)

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

* Nước thải sinh hoạt:

Đối với nước thải sinh hoạt của 5 CBCNV sẽ được thu gom bằng về bể tự hoại 3 ngăn với thể tích bể tự hoại đã được xây dựng là 6m³ đã được xây dựng trong giai đoạn thi công của dự án.

* Nước thải chăn nuôi

- Các công trình thu gom nước thải chăn nuôi đã xây dựng: Dự án đã xây dựng các rãnh thoát nước nằm dọc hai bên sườn mỗi nhà nuôi, kích thước (0,3 x 0,4)m trước khi chảy vào hố gom, xây gạch tô 2 mặt, có nắp đậy bằng bê tông, đoạn cuối trại chảy ra hố gom được đậy kín bằng bạt HDPE.

- Nước thải từ khu chuồng nuôi lợn thịt được thu gom (tự chảy) vào hố gom, sau đó chảy qua hầm biogas bằng hình thức tự chảy.

- Nước thải từ hầm biogas được thu gom (tự chảy) lần lượt qua 02 hồ sinh học bằng ống nhựa PVC có D= 200mm, hồ sinh học được thả bèo tây để tiếp tục quá trình xử lý, sau đó nước thải tiếp tục qua bể lọc ngầm để xử lý trước khi qua hồ đối chứng. Nước thải tại đây sẽ được tận dụng để tưới cây vào mùa nắng và xả ra ngoài khe nước tự nhiên phía Tây Dự án vào mùa mưa.

- Công trình thoát nước thải: Cuối hồ đối chứng sẽ bố trí 01 ống nhựa PVC D=200mm, dài 10m vượt qua bờ tường bao của hồ sinh học để dẫn thải ra khe nước tự nhiên tiếp giáp phía Tây khu đất.

- Điểm xả nước thải sau xử lý:

Vị trí xả thải sau khi qua hệ thống xử lý nằm ở góc phía Tây khu đất, đây là điểm đầu của khe suối tự nhiên, nước thải sau khi hòa trộn với nguồn nước khe sẽ chảy theo hướng nghiêng địa hình.

Chủ dự án sẽ bố trí điểm xả thải đảm bảo dễ quan sát, dễ thao tác lấy mẫu.

(Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên kèm theo ở phụ lục)

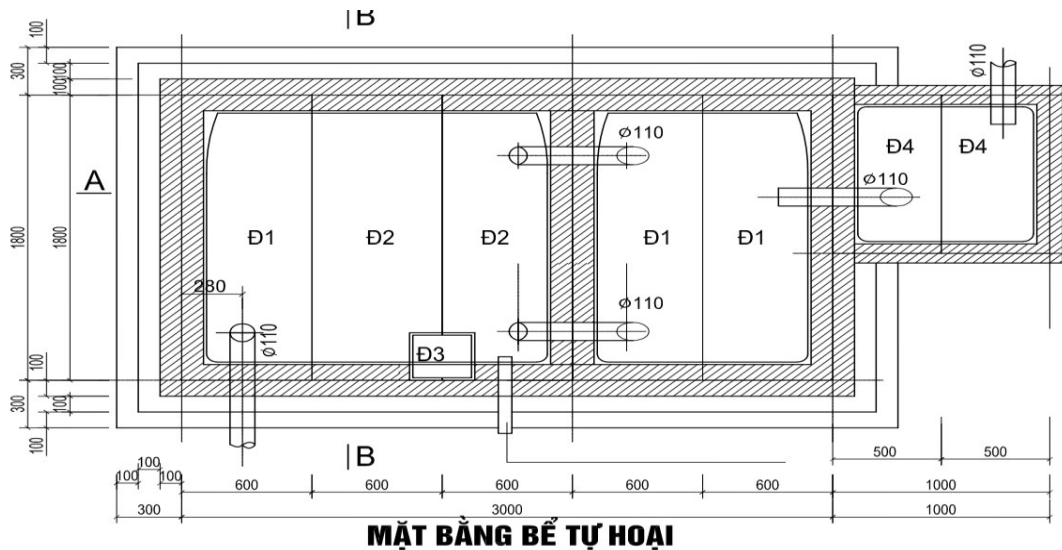
1.3. Xử lý nước thải:

1.3.1. Nước thải sinh hoạt

Chủ dự án đã xây dựng 01 bể tự hoại 3 ngăn trong giai đoạn thi công xây dựng. Trong giai đoạn trang trại đi vào hoạt động sẽ sử dụng bể tự hoại 3 ngăn này để xử lý nước thải sinh hoạt của 5 CBCNV. Thể tích bể 6m³.

Chức năng của bể tự hoại ứng dụng phương pháp lắng và phân huỷ yếm khí nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: phần lắng và phần phân huỷ cặn.

Bể tự hoại được thiết kế và xây dựng như sau:



Hình 3.1. Mặt bằng thiết kế hầm tự hoại được xây dựng của trang trại

1.3.1. Nước thải sản xuất:

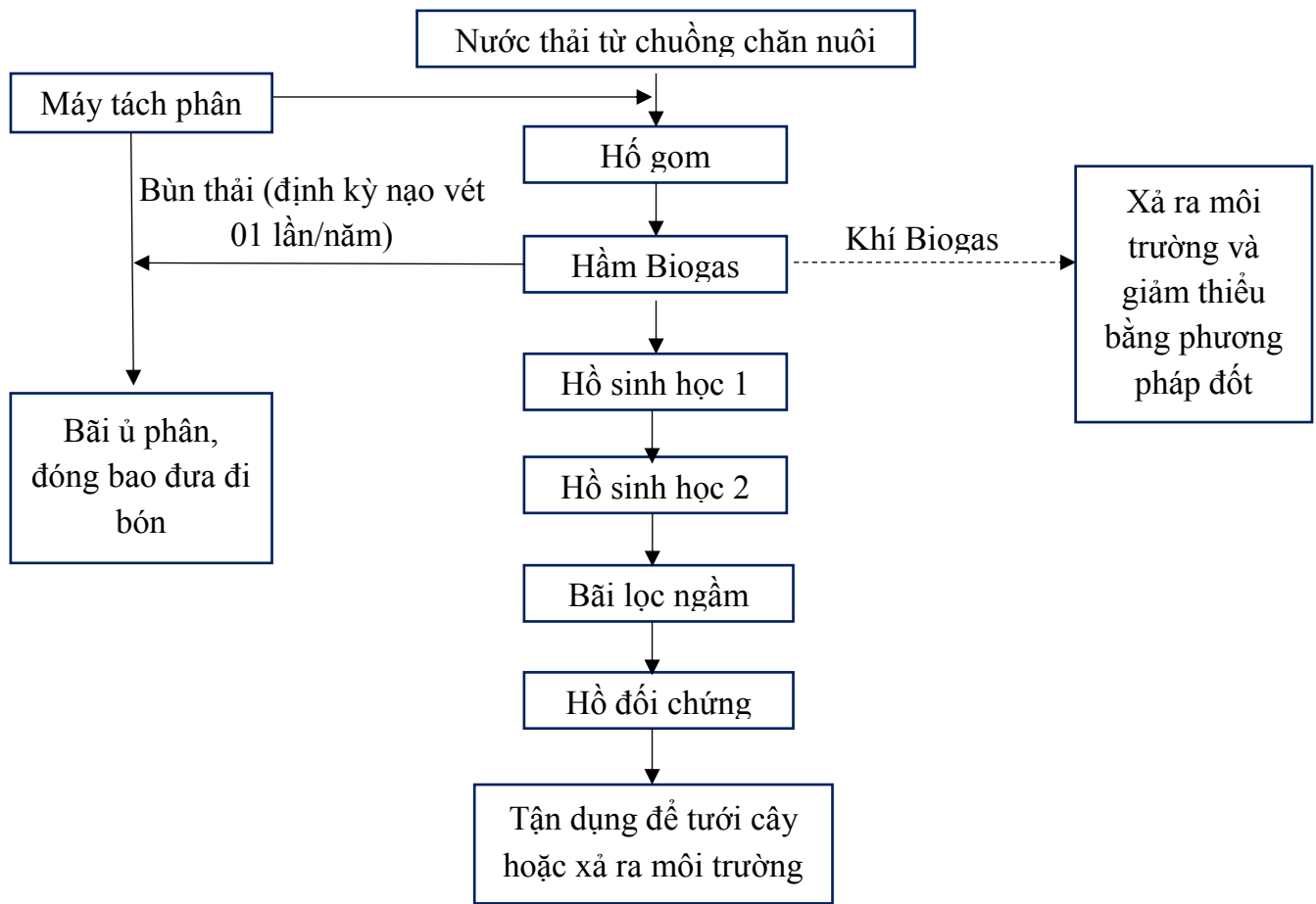
- Nhà thầu thiết kế và thi công: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quỳnh Trần

- Nguồn vật tư, thiết bị xây dựng hệ thống xử lý nước thải được Chủ trang trại mua ở trong và ngoài tỉnh.

- Chức năng: xử lý nước thải chăn nuôi.

- Công suất: xử lý lượng nước thải chăn nuôi phát sinh khoảng 40 m³/ngày đêm.

- Quy trình vận hành:



Hình 2.1. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải

* *Thuyết minh chi tiết:*

- Nước thải từ khu vực chuồng trại sẽ được thu gom bằng các mương thoát nước thải kính bao quanh chuồng trại, đưa nước thải về hố gom.

- Hố gom: có vai trò thu gom toàn bộ phân và nước thải, hố có kích thước (4,2mx2,2mx3m), xây gạch tô 2 mặt, có nắp đậy bằng BTCT. Nước thải và phân từ hố gom, tại đây có bố trí máy tách phân, máy tách phân sẽ tách phân phân ra và đưa đến bãi ủ phân, phần nước thải sẽ được đưa về hầm biogas.

- Hầm biogas: Hầm biogas hoạt động theo chu trình gồm 2 giai đoạn tích khí và xả khí. Quá trình phân hủy chất hữu cơ trong điều kiện yếm khí làm giảm COD, BOD trong nước thải. Hầm được xây dựng bằng đất tự nhiên đầm nén chặt, đắp taluy dài 36m, rộng 22m, cao 5m, thể tích chứa 3.960m³, chống thấm bằng bạt KPI dày 2mm, phần phía trên cũng được phủ bằng lớp KPI dày 2mm.

+ Định kỳ 01 năm một lần hệ thống biogas được nạo vét bằng bơm hút bùn và đưa đi xử lý.

Sau khi xử lý bằng hầm biogas, nước thải tiếp tục được xử lý qua 04 hồ (02 hồ sinh học, 01 hồ lọc ngầm và 01 hồ đối chứng).

- Hồ sinh học: Hồ sinh học tiếp nhận nước thải từ hệ thống hầm biogas nhằm để xử lý các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng và dinh dưỡng (N, P). Tại hồ sinh học này sẽ được thả bèo tây và các loài cá (cá trê, cá rô phi...) hệ động thực vật thủy sinh này sẽ có chức năng xử lý làm giảm nồng độ các chất thải nói trên trước khi đi qua hệ thống bãi lọc ngầm và được lót bạt KPI dày 1,2mm.

- Bãi lọc ngầm: Nước thải từ hồ sinh học sẽ được chảy qua bãi lọc ngầm. Bãi lọc ngầm thực chất là Bãi lọc ngập nước (Wetlands), là hệ sinh thái ngập nước với mực nước xấp xỉ bề mặt đất và được cấy trồng các loại thực vật trong điều kiện đất ẩm. Dự án đã tiến hành trồng cỏ voi, cây hoa chuối, cỏ ventiver. Thực vật sử dụng năng lượng mặt trời để hấp thụ cacbon từ khí quyển và chuyển hoá thành các chất hữu cơ là nguồn năng lượng cung cấp cho các hoạt động sống và phát triển của các vi khuẩn dị dưỡng (động vật, vi khuẩn và nấm). Bãi lọc ngập nước có khả năng phân huỷ, chuyển hoá các chất hữu cơ và các chất khác. Với khả năng đó, bãi lọc ngập nước nhân tạo được sử dụng để làm sạch nước trước khi đưa qua hồ đối chứng.

- Hồ đối chứng: Nước sau khi qua hồ lọc ngầm sẽ được chứa tại đây, sau đó chủ dự án sẽ tận dụng để bơm tưới cây vào mùa hè và xả ra môi trường là khe nước phía Tây Nam dự án vào mùa mưa.

- Kích thước các hạng mục:

+ Hầm biogas có thể tích là 3.960 m³ với kích thước cụ thể là 32 x 22 x 5 (m). Hồ được lót bạt đáy và phủ mặt trên bằng bạt KPI dày 2mm.

+ 02 hồ sinh học 1, 2 với thể tích lần lượt là 2.200 m³ và 3.120 m³; Kích thước cụ thể của các hồ như sau: Hồ sinh học số 1 có kích thước là (22 x 20 x 5)m và hồ sinh học số 2 có kích thước là (26 x 24 x 5)m. Hai hồ sinh học được lót bạt KPI dày 1,2mm;

+ Hồ lọc ngầm có kích thước là (14 x 12 x 1,85)m, hồ lọc ngầm có cấu tạo bao gồm các lớp: Lớp đá học dày 0,4m, tiếp theo là lớp đá 2x4 dày 0,4m và trên cùng là lớp đất dày 0,4m được trồng các loại cây bao gồm: cỏ voi, cỏ ventiver. Hồ được lót bạt HDPE dày 1mm.

+ Hồ đối chứng có kích thước (10 x 6 x 3)m, được lót bạt HDPE dày 0,5mm. Hồ đối chứng dùng để chứa nước được Chủ dự án tận dụng để tưới cây vào mùa hè và xả ra môi trường vào mùa mưa.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Cơ sở không có công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải mà chỉ áp dụng các biện pháp giảm thiểu, hạn chế tác động của mùi hôi đến CBCNV và môi trường xung quanh như sau:

- Chuồng trại đã được xây dựng với thiết kế thoáng mát, lắp đặt các quạt làm mát và hút mùi. Hiện tại, trang trại trang bị 11 quạt hút kích thước mỗi cái: 1.380×1.380×400mm, công suất quạt hút 1,4mx1,1KWA, sử dụng nguồn điện 3 pha, 380V cho mỗi chuồng nuôi. Với thiết kế chuồng kín, khi quạt gió hoạt động sẽ hút không khí bên trong chuồng ra ngoài tạo ra áp suất âm trong chuồng. Áp suất âm này sẽ hút không khí đi vào trong chuồng thông qua giàn mát. Lượng không khí hút qua quạt gió càng lớn áp suất âm càng tăng và sẽ hút không khí đi vào chuồng qua giàn mát càng nhiều. Do đó ta có thể điều khiển yếu tố nhiệt độ, độ ẩm trong chuồng nuôi bằng cách điều khiển tốc độ gió hay chính xác hơn là điều khiển công suất làm việc của quạt gió kết hợp với hoạt động của giàn mát ở đầu chuồng và hệ thống làm mát bên trong chuồng (phun sương). Hoạt động của quạt đẩy giúp hút khí thải, mùi bên trong chuồng đẩy ra bên ngoài.

- Sử dụng nguồn thức ăn có trộn chế phẩm men vi sinh để tăng cường tiêu hóa, hạn chế mùi từ phân.

- Thường xuyên vệ sinh chuồng trại, không để phân và nước thải ứ đọng lâu ngày;

- Đã tiến hành trồng cây xanh trong khuôn viên khu vực, diện tích trên 37,76% tổng diện tích trang trại. Ngoài ra, phía Tây dự án và các mái taluy sẽ được trồng cỏ voi để chống sạt lở cục bộ.

- Vệ sinh chuồng trại (tần suất 1lần /ngày), tiến phun chế phẩm EM, phun thuốc sát trùng (tần suất 5-7 ngày/lần), cho chế phẩm EM cho thức ăn, nước uống của vật nuôi. Liều dùng khi trộn vào thức ăn khoảng 3 - 5ml EM/1 kg thức ăn hoặc pha trực tiếp vào nước là 1 - 3ml EM/1 lít nước, dùng mỗi ngày. Nếu sử dụng để khử mùi hôi thì dùng 20 - 30ml EM hòa vào 8 lít nước phun trực tiếp vào chuồng trại, tần suất 7 ngày/lần.

- Đã xây dựng hầm biogas có che phủ. Hầm biogas được thiết kế kín hoàn toàn, phía trên được thiết kế lớp phủ bằng bạt HDPE.

- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho CBCNV: 02 bộ/năm.

- Đối với khí gas từ hầm biogas: Biogas là một hỗn hợp khí được sinh ra từ quá trình lên men trong môi trường hiếm khí của chất thải chăn nuôi nhờ hoạt động của các vi khuẩn. Thành phần khí biogas bao gồm: Khí metan (CH₄): 60 - 75%; Khí cacbonic (CO₂): 25 - 30%; Nitơ (N₂): khoảng 5 - 10%; Hydro (H₂): khoảng 1 % và các khí khác như CO, NH₃... Theo đề tài KH-CN-T2016-04-19 do Học viện Nông nghiệp Việt Nam thực hiện và đăng tải trên Chuyên mục Khoa học Công nghệ, Tạp chí NN&PTNT - Kỳ 2 - Tháng 7/2019. Bình quân lượng khí CH₄ tổng từ cả hoạt

động quản lý phân (ép phân) và thoát nước thải sau biogas là $18,48 \pm 1,99$ kg $\text{CH}_4/\text{con}/\text{năm}$, tương ứng $0,462$ tấn $\text{CO}_2/\text{con}/\text{năm}$. Như vậy, với quy mô 2.500 con/năm, sẽ phát sinh $44.352 - 49.128$ kg $\text{CH}_4/\text{con}/\text{năm}$, tương ứng 1.108 tấn $\text{CO}_2/\text{năm}$.

Trang trại đã lắp đặt van xả khí tại hầm biogas và tiến hành đốt khi xả khí để giảm thiểu mùi hôi.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Công trình lưu giữ CTR sinh hoạt: lượng phát sinh khoảng $2,5\text{kg}/\text{ngày}$, tiến hành nhắc nhở công nhân bỏ rác đúng nơi quy định đồng thời tiến hành việc phân loại rác tại nguồn. Việc phân loại rác tại nguồn sẽ được tiến hành như sau:

+ Đối với CTR là các loại vỏ lon, chai nhựa... sẽ được thu gom để riêng và bán phế liệu;

+ Đối với CTR hữu cơ như vỏ hoa quả, thức ăn thừa... sẽ được phân loại và để vào hố ủ phân hữu cơ, sau khi đầy sẽ được chôn lấp.

+ Đối với CTR vô cơ như bao bì đựng thức ăn... sẽ được thu gom riêng biệt, đặt vào thùng đựng rác và hợp đồng với HTX Môi trường và Công trình đô thị huyện Cam Lộ thu gom, xử lý với tần suất 1 tuần/lần.

- Thu gom xử lý CTR sản xuất: bao bì thức ăn khoảng $51,8$ kg/ngày được thu gom bán phế liệu;

- CTR là phân thải:

+ Phân thải từ các chuồng nuôi khoảng $12.000\text{kg}/\text{ngày}$ (2.400 con x $5\text{kg}/\text{con}/\text{ngày}$) được thu gom cùng với nước thải, sau đó được dẫn về hố thu gom, tại đây sử dụng máy ép phân để tách phân, sau đó phân sẽ được đưa đến bãi ủ phân để ủ. Sau khi ủ, phân sẽ được đóng bao và đưa đi bón cây.

+ Bùn nạo vét từ hầm biogas sẽ được nạo vét với tần suất khoảng 1 năm/lần. Lượng bùn này khi được hút lên sẽ được đưa đến khu vực máy tách phân, phần bùn thải được ép khô sẽ được đưa đến bãi ủ phân.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

- Dự báo về khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành: CTNH phát sinh từ hoạt động của trang trại ước tính (dựa trên quy mô các trang trại tương tự) khoảng $5-7\text{kg}/\text{tháng}$ và tùy theo khả năng phòng chống dịch bệnh. Thành phần: Bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in, dầu nhớt thải, thuốc thú y hết hạn sử dụng, kim tiêm, lợn chết do dịch bệnh...

- Chất thải nguy hại: bóng đèn vỡ, dầu nhớt thải... lượng không đáng kể, bố trí thùng đựng chuyên dụng 120L , lưu kho. Sau khi đủ khối lượng sẽ liên hệ, tìm kiếm

với các đơn vị trên địa bàn huyện Cam Lộ có phát sinh để hợp đồng thu gom và đưa đi xử lý.

- Đối với CTNH là thuốc thú y hết hạn sử dụng, kim tiêm, vũ thuốc thú y... sẽ được thu gom vào thùng đựng chuyên dụng và được Công ty Cổ phần CP Việt Nam định kỳ thu gom, đưa đi xử lý theo như Hợp đồng Gia công chăn nuôi gia công heo thịt ngày 04/4/2023 giữa Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam – Chi nhánh 2 Quảng Trị với bên nhận gia công ông Võ Đức Thư.

- Đối với CTNH là xác lợn bị dịch bệnh chết hàng loạt, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp theo hướng dẫn của Công văn số 569/BNN-TY ngày 22/07/2019 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc hướng dẫn bổ sung một số biện pháp phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi và thực hiện theo QCVN 01-41:2011/BNNPTNT: về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật, đồng thời phối hợp với các Cơ quan chức năng của địa phương để xử lý tiêu hủy đúng quy định.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Đối với tiếng ồn của phương tiện giao thông sẽ được áp dụng các biện pháp quản lý nội vi như sau:

+ Không sử dụng các phương tiện vận chuyển quá cũ, phải có giấy đăng kiểm của cơ quan quản lý.

+ Không nổ máy trong quá trình bốc dỡ hàng hóa, bốc chuyển lợn.

- Đối với tiếng ồn do lợn kêu sẽ được áp dụng biện pháp sau: Trang trại áp dụng công nghệ chăn nuôi theo hướng công nghiệp sẽ tập cho mỗi con lợn có chung một đồng hồ sinh học, quá trình ăn, ngủ luôn đúng giờ làm cho lợn không ở trong tình trạng đói nên chúng sẽ không kêu đòi ăn.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

- Sự cố cháy nổ: Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy về PCCC, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC; Đưa ra các nội quy không được hút thuốc trong quá trình làm việc.

- Sự cố tai nạn lao động, giao thông: Tổ chức tập huấn an toàn lao động; Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho CBCNV như khẩu trang, găng tay, mũ, giày...vv; Chấp hành nghiêm chỉnh luật an toàn giao thông đường bộ.

- Sự cố mưa bão: Thiết kế chuồng trại theo đúng tiêu chuẩn xây dựng; Có phương án phòng chống và ứng phó khi mưa bão xảy ra.

- Dịch bệnh: Chủ động trong khâu phòng ngừa dịch bệnh một cách nghiêm ngặt; Xây dựng hệ thống khử trùng ngay cổng vào, định kỳ phun tiêu độc khử trùng, rắc vôi,..quanh chuồng trại; bố trí khu cách ly lợn,..

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải: Chủ dự án đã thiết kế và thi công hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi và thông báo kịp thời với đơn vị xây dựng hệ thống xử lý trong trường hợp có sự cố. Hiện tại đã có 01 hầm biogas và hệ thống 02 hồ sinh học, 01 bãi lọc ngầm, 01 hồ sự cố. Do đó khi có sự cố hư hỏng ở một trong các hạng mục vẫn đảm bảo được công tác lưu trữ, xử lý và có đủ thời gian để Chủ cơ sở khắc phục sửa chữa các hư hỏng.

- Ngoài ra, để chống sạt lở cục bộ, Chủ dự án sẽ trồng cỏ ventivơ, cỏ voi dọc các mái taluy trong khuôn viên.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Các nội dung thay đổi của Cơ sở so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường như sau:

Bảng 3.1. Các nội dung thay đổi so với báo cáo ĐTM được duyệt và các tác động môi trường

STT	Nội dung điều chỉnh	Theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM	Nội dung sau điều chỉnh	Các tác động môi trường từ việc thay đổi
1	Xử lý nước thải chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 02 hầm biogas với thể tích 1.400m³ nước. kích thước: (14 x 18 x 3,2)m - Xây dựng 03 hồ sinh học với kích thước cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sinh học 1 có thể tích 1.185m³. Kích thước: (14 x 18 x 3,2)m + Hồ sinh học 2 có thể tích 1.185m³. Kích thước: (20 x 22 x 3)m + Hồ sinh học 3 có thể tích 395m³. Kích thước: (12 x 14 x 2,7)m 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 01 hồ biogas với kích thước: (36 x 22 x 5) m, thể tích 3.960 m³ - 02 hồ sinh học với kích thước các hồ lần lượt là: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sinh học 1: (20 x 22 x 5)m, thể tích 2.200 m³ + Hồ sinh học 2: (26 x 24 x 5)m, thể tích 3.120 m³ - Xây dựng 01 hồ lọc ngầm với kích thước: (14 x 12 x 1,85)m. Hồ lọc ngầm bao gồm các lớp: Đá quá cỡ dày 0,4m, đá 2x4 dày 0,3m, đất dày 0,4m. 	<ul style="list-style-type: none"> + Thay đổi công nghệ xử lý bằng việc nước thải qua các hầm biogas, sau đó qua hồ sinh học rồi xả ra môi trường bằng việc tăng thêm 01 bể lọc ngầm. Việc xây dựng bể lọc ngầm nhằm tăng hiệu quả xử lý cho hệ thống xử lý nước thải, nhằm đảm bảo nước thải đầu ra của dự án đạt cột B – QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B, Kq=0,9; Kf=1,0). + Tăng thể tích tổng hồ sinh học từ 2.765 m³ (theo ĐTM phê duyệt) lên 5.320 m³; tăng 2.555 m³ từ đó đáp ứng hơn khả năng chứa của hệ thống hồ sinh học.

			<p>Được trồng các loại cỏ ventiver, cỏ voi để tăng hiệu quả xử lý.</p> <p>- Xây dựng 01 hồ đối chứng có kích thước: (10 x 6 x 3)m</p> <p>Các hồ được lót bạt HDPE</p>	
2	Xử lý khí Biogas	Sử dụng 01 máy phát điện loại 50kW chạy bằng khí biogas để phục vụ cho hoạt động của trang trại như thắp sáng, quạt thông gió...	Khí Biogas sẽ được xả bằng van xả và giảm thiểu bằng phương pháp đốt.	Do lượng khí Biogas của dự án khi đi vào hoạt động không đủ cho việc sử dụng máy phát điện, do đó chủ dự án tiến hành xử lý khí biogas bằng phương pháp đốt. Phương pháp đốt khí Biogas đang được nhiều trang trại sử dụng và tác động đến môi trường không nhiều, do đó phương pháp đốt khí Biogas là hợp lý và tiết kiệm được chi phí cho nhà đầu tư.

Ghi chú: Đánh giá hiệu suất xử lý từng công đoạn đã thể hiện tại báo cáo ĐTM được UBND tỉnh phê duyệt. Có thể tóm tắt như sau:

Bảng 3.2. Hiệu suất xử lý nước thải qua từng công trình

TT	Công trình đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Trước xử lý	Hiệu suất	Sau xử lý	QCVN 62-MT:2016 /BTNMT, (cột B) (Kq=0,9,Kf=1,3)
1	Hầm Biogas	BOD ₅	mg/l	610	60%	244	100
		COD	mg/l	941	65%	329,3	300
		TSS	mg/l	2.686	76%	644,6	150
		Tổng N	mg/l	231	0%	231	150
		Coliform	mg/l	24.000	40%	14.400	5.000
2	Hồ sinh học 1	BOD ₅	mg/l	244	27%	178,1	100
		COD	mg/l	329,3	18%	270,1	300
		TSS	mg/l	644,6	40%	386,7	150
		Tổng N	mg/l	231	20%	184,8	150
		Coliform	mg/l	14.400	75%	3.600	5.000
3	Hồ sinh học 2	BOD ₅	mg/l	178,1	27%	130	100
		COD	mg/l	270,1	18%	221,4	300
		TSS	mg/l	386,7	40%	232,1	150
		Tổng N	mg/l	184,8	20%	147,8	150
		Coliform	mg/l	3600	75%	900	5.000
4	Bãi lọc ngầm	BOD ₅	mg/l	130	50%	65	100
		COD	mg/l	221,4	50%	110,7	300
		TSS	mg/l	232,1	50%	116,05	150
		Tổng N	mg/l	147,8	0%	147,8	150
		Coliform	mg/l	900	0%	900	5.000

Ghi chú: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - QCKTQG về nước thải chăn nuôi.

- Cột B: Xả vào nguồn nước không cấp cho mục đích sinh hoạt;

- $K_f = 1$, với lưu lượng nguồn thải $200 < F < 300 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- $K_q = 0,9$ (Khi nguồn tiếp nhận nước thải không có số liệu về lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch, kênh, mương thì áp dụng giá trị hệ số $K_q = 0,9$).

Tham khảo:

+ Hiệu suất xử lý hầm Biogas được tham khảo “Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải chăn nuôi lợn bằng hầm biogas quy mô hộ gia đình ở Thừa Thiên Huế”, Nguyễn Thị Hồng, Phạm Khắc Liệu, Trường đại học Khoa học, Đại học Huế, 2012

- Hiệu suất xử lý của các hồ sinh học được tham khảo tài liệu Thực trạng ô nhiễm môi trường và xử lý chất thải trong chăn nuôi lợn trang trại tập trung của nhóm tác giả của Trung tâm nghiên cứu lợn Thụy Phương thuộc Viện chăn nuôi

- Giáo trình Thoát nước và xử lý nước thải công nghiệp (GS.TS Trần Hiếu Nhuệ chủ biên, NXB Khoa học và Kỹ thuật)

Sau khi xây dựng, Chủ dự án đã tiến hành thay thế hồ sinh học số 3 bằng 01 bãi lọc ngầm nhằm tăng hiệu quả xử lý của hệ thống. Bãi lọc ngầm nước có khả năng khử

chất lơ lửng với hiệu quả cao. Nồng độ chất lơ lửng trong nước sau xử lý trung bình nhỏ. Đối với hệ thống dòng chảy bề mặt có diện tích mặt nước tiếp xúc với không khí lớn, hiệu quả xử lý chất lơ lửng thường thấp hơn do khả năng phát triển của các loại rong, tảo. Bãi lọc loại này cần được thiết kế có độ sâu mực nước thấp, cấy trồng các loại thực vật như hoa chuối, cỏ ventiver với mật độ lớn tại khu vực hồ giảm nồng độ chất thải trước khi xả nước ra nguồn tiếp nhận. Bãi lọc ngập nước có khả năng xử lý BOD cao, Trong tất cả các dạng bãi lọc đều có chu trình tuần hoàn cacbon riêng sản sinh lượng BOD thấp. Qua hệ thống bãi lọc ngầm thì vi sinh vật cũng giảm đi đáng kể.

Nhận xét: Như vậy, với công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi áp dụng tại Trang trại sẽ làm giảm thiểu hàm lượng các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng, giảm các vi sinh vật gây bệnh và đảm bảo theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B, $K_q=0,9$; $K_f=1,0$) trước khi thải ra môi trường.

Đánh giá thực tế hiệu suất xử lý hệ thống xử lý nước thải sẽ được Chủ Dự án thực hiện ở giai đoạn vận hành thử nghiệm, có cán bộ công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nguồn phát sinh nước thải chăn nuôi:

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 40m³/ngày đêm.
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải đề nghị cấp phép, là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận là khe nước tự nhiên phía Tây Bắc dự án.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:
 - + Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép: pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng Nito (theo N), Tổng Coliform.

+ Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: Với lượng nước thải của Trang trại là 40m³/ngày, xả thải ra khe suối không có thông số đo lưu lượng, không phục vụ cho mục đích cấp nước sinh hoạt nên tiêu chuẩn xả thải của Trang trại là QCVN 62-MT:2016/BTNMT-QCKTQG về nước thải chăn nuôi (Cột B, K_f=1, K_q=0,9). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: cụ thể ở bảng sau:

Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 62-MT:2016/BTNMT (K _f =1,3; K _q =0,9)
			Cột B
1	BOD ₅	mg/l	100
2	COD	mg/l	300
3	TSS	mg/l	150
4	Tổng N	mg/l	150
5	Coliform	MPN/100ml	5.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
 - + Vị trí xả nước thải: X=1.848.670; Y = 574.335 (hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, KTT 106⁰, 15').
 - + Phương thức xả thải: tự chảy.
 - + Nguồn tiếp nhận nước thải: khe suối tự nhiên phía Tây dự án.

1.2. Nguồn số 02: Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt.

Đối với nước thải sinh hoạt của 5 CBCNV lượng rất nhỏ, khoảng 0,5 m³/ngày đêm (<5m³/ngày đêm); nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn thể

tích 10m³.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải, tiếng ồn, độ rung:

2.1. Nguồn số 1: Mùi hôi phát sinh từ quạt thông gió

- Lưu lượng phát sinh: Nguồn phân tán

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng thải:

+ Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép: NH₃, H₂S

+ Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: Do lượng mùi phát sinh từ chuồng trại là nguồn thải phát tán, không xác định được lưu lượng nên tiêu chuẩn xả thải của trang trại là QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

Bảng 5.2. Hàm lượng khí NH₃, H₂S trong khu vực chăn nuôi lợn hộ gia đình

TT	Khí thải	Đơn vị	QCVN 06:2009/BTNMT
1	NH ₃	mg/m ³	0,2
2	H ₂ S	mg/m ³	0,042

- Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận:

+ Vị trí xả thải: Khu vực quạt thông gió tại các chuồng nuôi.

+ Nguồn tiếp nhận thải: môi trường không khí khu vực dự án.

2.2. Nguồn số 2: Khí thải từ hệ thống biogas

- Lưu lượng phát sinh: Nguồn phân tán

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng thải:

+ Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép: CH₄, CO₂, CO, N₂, NH₃

+ Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: Do lượng mùi phát sinh từ hầm biogas là nguồn thải phát tán, không xác định được lưu lượng nên tiêu chuẩn xả thải của trang trại là QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận:

+ Vị trí xả thải: Khu vực ống xả khí của hầm biogas.

+ Nguồn tiếp nhận thải: môi trường không khí khu vực dự án.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường đối với nước thải

Theo Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở thì cơ sở sẽ tiến hành giám sát môi trường nước thải, cụ thể như sau:

- Vị trí quan trắc:
- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng N, Tổng P, Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: Cột B của QCVN 62-MT:2016/BTNMT (với nguồn tiếp nhận là khe nước tự phía Tây cơ sở (Cột B, Kf=1, Kq=0,9).

Hiện tại, cơ sở vừa đi vào hoạt động và thả đàn, do đó lượng nước thải phát sinh mới qua hầm Biogas và qua hồ sinh học thứ nhất, chưa xả ra môi trường. Do đó, cơ sở chưa tiến hành quan trắc chất lượng nước thải.

2. Kết quả quan trắc môi trường đối với khí thải

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường không khí

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05: 2013/BTNMT
			K1	K2	
1	Bụi	mg/m ³	0,177	0,107	0,3
2	Tiếng ồn	dbA	62,9	69,6	70⁽¹⁾
3	H ₂ S	mg/m ³	0,018	0,040	0,042⁽²⁾
4	NH ₃	mg/m ³	0,075	0,195	0,2⁽²⁾

- Ghi chú:
- **K1:** Tại công chính ra vào trang trại. Tọa độ: X: 1.484.714; Y: 574.419;
 - **K2:** Tại khu vực phía Tây trang trại (điểm cuối chuồng nuôi nhốt, phía sau cánh quạt). Tọa độ: X: 1.484.718; Y: 574.430
 - **Quy chuẩn so sánh:**
 - + **QCVN 05:2013/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1h);
 - + ⁽¹⁾ **QCVN 26:2010/BTNMT:** Quy chuẩn Quốc gia về tiếng ồn, độ rung;
 - + ⁽²⁾ **QCVN 06:2009/BTNMT:** Quy chuẩn Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh

Nhận xét: Qua bảng 5.1 cho thấy các chỉ tiêu giám sát đều nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn về chất lượng môi trường không khí xung quanh, điều

đó chứng tỏ trang trại trong thời gian hoạt động thực hiện đầy đủ các biện pháp phun chế phẩm, khử mùi, giảm nồng độ ô nhiễm đến môi trường xung quanh.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của trang trại, Chủ dự án tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn đi vào vận hành, cụ thể như sau:

Trường hợp cơ sở được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

- Đối với Dự án sẽ thực hiện vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Chủ Dự án gửi thông báo tới Sở Tài nguyên và Môi trường trước 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Thời gian vận hành thử nghiệm kéo dài 03 tháng.

- Công suất dự kiến đạt được: 100% công suất.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

(Nghiên cứu lại theo NĐ 08 và Thông tư 02)

- Số lượng mẫu, tần suất lấy mẫu cụ thể như sau:

+ Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất (75 ngày): 5 tổ hợp mẫu bao gồm 5 mẫu đầu vào (trước khi vào hầm biogas), 05 mẫu đầu ra (công xả ra khe suối ở hồ đối chứng);

+ Giai đoạn ổn định (07 ngày tiếp theo): 01 mẫu đầu vào (trước khi vào hầm biogas), 07 mẫu đầu ra (công xả ra khe suối ở hồ đối chứng);

- Thông số quan trắc: vận tốc/lưu lượng thải, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N (tính theo N), Tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi (Cột B, Kf=1, Kq=0,9).

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch: Công ty TNHH TNMT Minh Hoàng hoặc Đơn vị khác có năng lực đúng quy định; đáp ứng các tiêu chí lựa chọn nhà thầu của Chủ đầu tư.

2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường nước thải định kỳ:

- Quan trắc nước thải: vị trí, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

-
- Số lượng giám sát: 02 mẫu nước thải.
 - Vị trí giám sát:
 - + Mẫu NT1 nước thải trước hệ thống xử lý.
 - + Mẫu NT2 nước thải sau hệ thống xử lý, trước khi xả thải ra môi trường.
 - Các chỉ tiêu giám sát: lưu lượng thải, pH, SS, BOD₅, COD, Tổng Nitơ, Tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - QCKTQG về nước thải chăn nuôi (Cột B, Kf=1, Kq=0,9).

2.2. Hoạt động quan trắc môi trường không khí định kỳ

- Quan trắc khí thải: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- Số lượng giám sát: 02 mẫu khí môi trường xung quanh
- Vị trí quan trắc:
 - + Mẫu K1: Không khí khu vực cổng trại
 - + Mẫu K2: Không khí khu vực phía sau quạt thông gió của chuồng
- Các chỉ tiêu giám sát: Bụi, Tiếng ồn, H₂S, NH₃.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 06:2009/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.

* *Giám sát CTR, CTNH:*

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng và bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.
- Vị trí giám sát: tại kho chứa CTR, CTNH của trang trại
- Tần suất giám sát: 02 lần/năm.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:

Kinh phí quan trắc môi trường hàng năm của Cơ sở là 30.000.000 đồng

Chương VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Hiện tại, sau khi xây dựng thì cơ sở mới tiến hành chăn nuôi được lứa đầu tiên và chưa có đoàn thanh tra, kiểm tra đối với cơ sở.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Nhằm đảm bảo tốt công tác bảo vệ môi trường trong quá trình đi vào hoạt động của Trại lợn, Chủ cơ sở là ông Trương Văn Lân cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan như sau:

+ Tiêu chuẩn, Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 06:2009/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; Tiêu chuẩn theo Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT; QCVN 26/2016/BYT.

+ Tiêu chuẩn vệ sinh lao động của Bộ Y tế tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 24/2016/BYT (mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc); QCVN 26:2016/BYT - QCKTQG về vi khí hậu, giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ QCVN 08 - MT:2015/BTNMT - QCKTQG về chất lượng nước mặt.

+ QCVN 09:2015/BTNMT - QCKTQG về chất lượng nước dưới đất.

+ QCVN 62-MT:2016/BTNMT - QCKTQG về nước thải chăn nuôi (Cột B, $K_f=1$, $K_q=0,9$); QCVN 01-14:2010/BNNPTNT - QCKTQG điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

+ QCVN 14:2008/BTNMT - QCKTQG về nước thải sinh hoạt.

- Cam kết lập giấy phép khai thác nước ngầm theo đúng quy định.

- Chủ dự án cam kết sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu trong quá trình hoạt động của Dự án làm nảy sinh các tác động tiêu cực, gây thiệt hại đến tài sản, sức khỏe của nhân dân, gây ô nhiễm môi trường và các sự cố môi trường trong khu vực.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất để thực hiện cơ sở theo quy định của pháp luật;
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;
- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y QUẢNG TRỊ
CHỨNG NHẬN

Cơ sở chăn nuôi: **Trang trại lợn thương phẩm Trương Văn Lân**

Địa chỉ trang trại: **Thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ,**
tỉnh Quảng Trị.

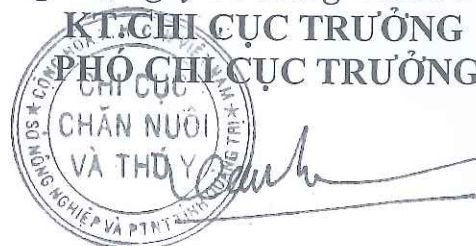
Điện thoại: **0982.872.250**

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:
Lợn thương phẩm: 2.400 con

Số cấp: **02/2023/CNTY-QTr**

Có hiệu lực đến ngày **26 tháng 4 năm 2026**

Quảng Trị, ngày 26 tháng 4 năm 2023



Đào Văn An

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI
Số: 45/002/2023/ĐKCN

Tên cơ sở chăn nuôi: Trang trại lợn thương phẩm Trương Văn Lân

Số điện thoại: 0982.872.250

Địa chỉ trang trại: Thôn Mai Đàn, Xã Cam Chính, Huyện Cam Lộ,
Tỉnh Quảng Trị

Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chăn nuôi.

Lợn thương phẩm. Số lượng: 2.400 con.

Quảng Trị, ngày 14 tháng 4 năm 2023

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Phú Quốc

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm thành đất trồng cây hàng năm khác.

Theo hồ sơ số CH 00398..CM.001./..

Ngày 12/3/2021

HUYỆN GIÁM ĐỐC
CAM LỘ

Phạm Văn Thành

Ngày 15/3/2021

HUYỆN GIÁM ĐỐC
CAM LỘ

Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây hàng năm khác thành đất nông nghiệp khác.

Theo hồ sơ số CH 00398..CM.002./..

Phạm Văn Thành

Ngày 16/01/2023

PHÓ GIÁM ĐỐC
HUYỆN
CAM LỘ

Chuyển nhượng cho ông Trương Văn Lân, CCCD số 045.077.005.296

Cùng vợ là bà Nguyễn Thị Kiều Nhi, CCCD số 045.183.008.056

Địa chỉ tại: thôn Đốc Kinh, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ,

tỉnh Quảng Trị. Theo hồ sơ số CH 00398.CN.003.

Nguyễn Thanh Hùng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 69..... quyền số 7..... - SCT/BS

Ngày 11-05-2023

Người thực hiện chứng thực ký tên



Nguyễn Văn Hà

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

19618.14.003362

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Võ Đức Thư

Sinh năm: 1976, số CMND: 197042370, ngày cấp: 20/6/1993 nơi cấp: Công an tỉnh Q.Trị

Bà: Nguyễn Nhật Anh

Sinh năm: 1977, số CMND: 197056404, ngày cấp: 01/7/2008 nơi cấp: Công an tỉnh Q.Trị

Hộ khẩu thường trú: thôn Đốc Kinh, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị

BK 326162

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất :

- a) Thửa đất số: 177, Tờ bản đồ số: 30 (294/ĐĐCLBĐ)
 b) Địa chỉ: Thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị
 c) Diện tích: 13000 m²
 (Bằng chữ: Mười ba nghìn mét vuông)
 d) Hình thức sử dụng: + Riêng: 13000 m² + Chung: không
 đ) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm
 e) Thời hạn sử dụng: Đến tháng 10/2050
 g) Nguồn gốc sử dụng: "Nhận CN đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất"

2. Nhà ở :

- a) Địa chỉ :
 b) Diện tích xây dựng : c) Diện tích sàn :
 d) Kết cấu :
 đ) Cấp (Hạng) : e) Số tầng :
 g) Năm hoàn thành xây dựng : h) Thời hạn sở hữu :

3. Công trình xây dựng khác :

Tên công trình :

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sở hữu

4. Rừng sản xuất là rừng trồng :

- a) Diện tích có rừng :
 b) Nguồn gốc tạo lập :

5. Cây lâu năm :

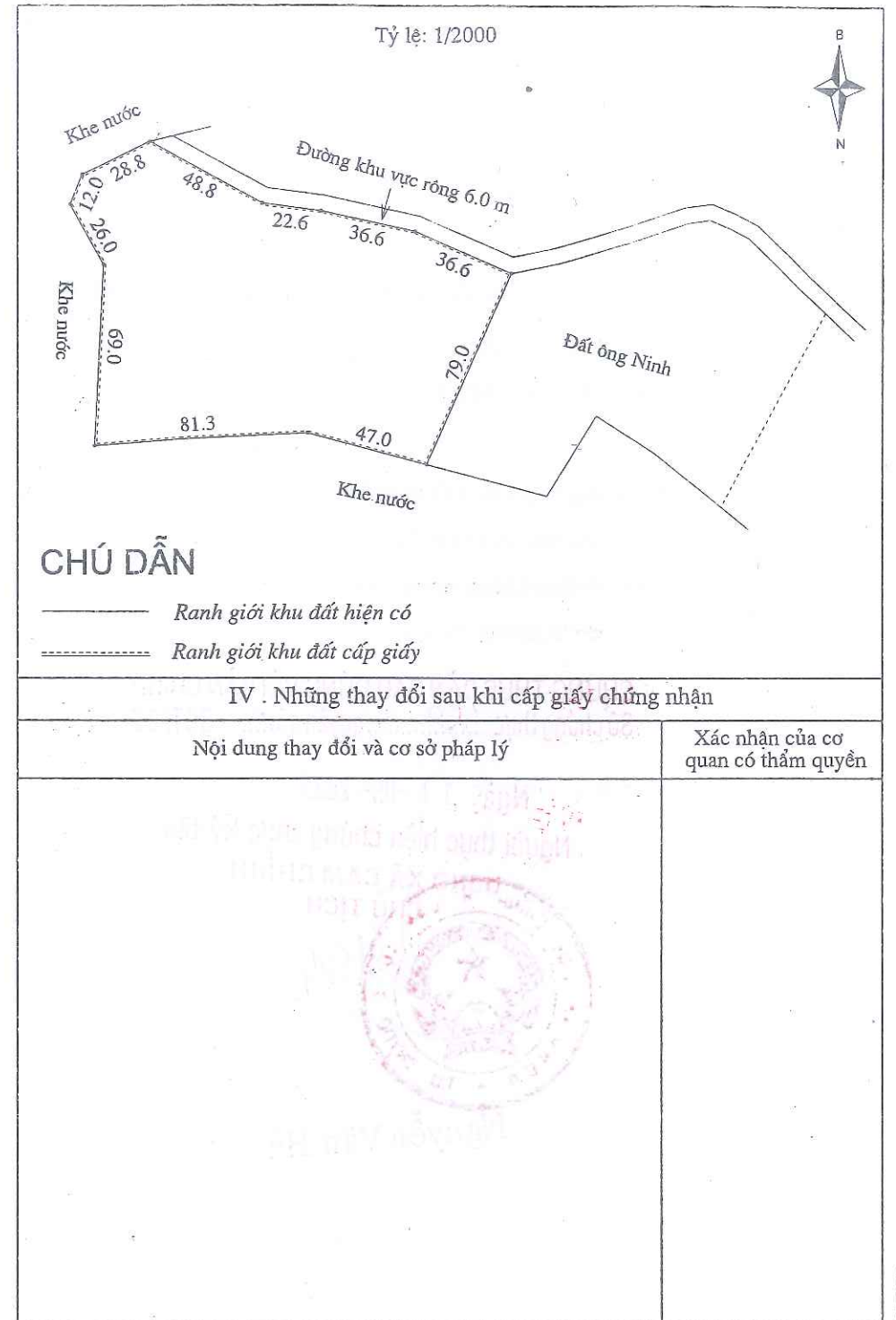
6. Ghi chú :

Cam Lộ, ngày 02 tháng 10 năm 2014
 TM. UBND HUYỆN CAM LỘ



Võ Văn Hưng

Số vào sổ cấp GCN: CH 000398.....



UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 1567 /STNMT-CCBVM
V/v thay đổi tên chủ đầu tư trong báo cáo
đánh giá tác động môi trường Dự án Trang
trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai
Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 08 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Ông Trương Văn Lân

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Tờ trình số 1804/TTr-TPQT ngày 18/4/2023 của ông Trương Văn Lân về việc thay đổi tên chủ đầu tư trong báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ. Qua rà soát hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Dự án Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 30/8/2021. Nay, Chủ dự án đổi tên Chủ đầu tư từ Hộ chăn nuôi Võ Đức Thư thành ông Trương Văn Lân.

Căn cứ điểm c khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, ông Trương Văn Lân chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thay đổi trên; ông Trương Văn Lân phải nghiêm túc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được nêu trong Quyết định phê duyệt số 2302/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị và những cam kết đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường, ông Trương Văn Lân phải tích hợp sự thay đổi Chủ đầu tư này vào trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, trình UBND tỉnh phê duyệt. Dự án phải có giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

Vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn để ông Trương Văn Lân thực hiện theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD N.H.Nam;
- Lưu: VT, CCBVM.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: **2302/QĐ-UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày **30** tháng **8** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm
tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ” tại Biên bản họp thẩm định ngày 17/6/2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 05/VĐT ngày 15/7/2021 của hộ chăn nuôi Võ Đức Thu;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2492/TTr-STNMT ngày 02/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ” (sau đây gọi là Dự án) của Hộ chăn nuôi Võ Đức Thu (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.



Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan, Chủ tịch UBND huyện Cam Lộ, Hộ chăn nuôi Võ Đức Thư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *vt*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, MT. *tc*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đồng

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN THƯƠNG PHẨM
TẠI THÔN MAI ĐÀN, XÃ CAM CHÍNH, HUYỆN CAM LỘ”

(Kèm theo Quyết định số: **2302/QĐ-UBND** ngày **30** tháng **8** năm **2021**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án

Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ.

1.2. Chủ dự án

- Chủ dự án: (Ông) Võ Đức Thư.
- Địa chỉ liên hệ: xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.
- Điện thoại: 0914 509 567

1.3. Vị trí địa lý của dự án

Dự án có vị trí tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 30 thuộc thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị với tổng diện tích Dự án là 13.000m².

1.4. Quy mô, công suất của dự án

* Quy mô diện tích:

Bảng 1.1. Khối lượng và quy mô các hạng mục chính của Dự án

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Hạng mục chính		
1	Nhà lợn thương phẩm (02 nhà)	3.000	23,08
II	Hạng mục phụ trợ		
1	Nhà làm việc và nhà ăn ở công nhân	120	0,92
2	Nhà vệ sinh	20	0,15
3	Nhà sát trùng xe	40	0,31
4	Nhà sát trùng công nhân	32	0,25
5	Nhà kho thức ăn (02 nhà)	100	0,77
6	Đường giao thông nội bộ	800	6,15
7	Nhà bảo vệ	15	0,12
8	Bể nước	20	0,15
9	Nhà cách ly	200	1,54
10	Đường lùa heo	280	2,15
11	Trạm biến áp	4	0,03
III	Hạng mục BVMT		
1	Cây xanh	4.909	37,76
2	Nhà ép phân	40	0,31
3	Khu vực ủ phân	240	1,85

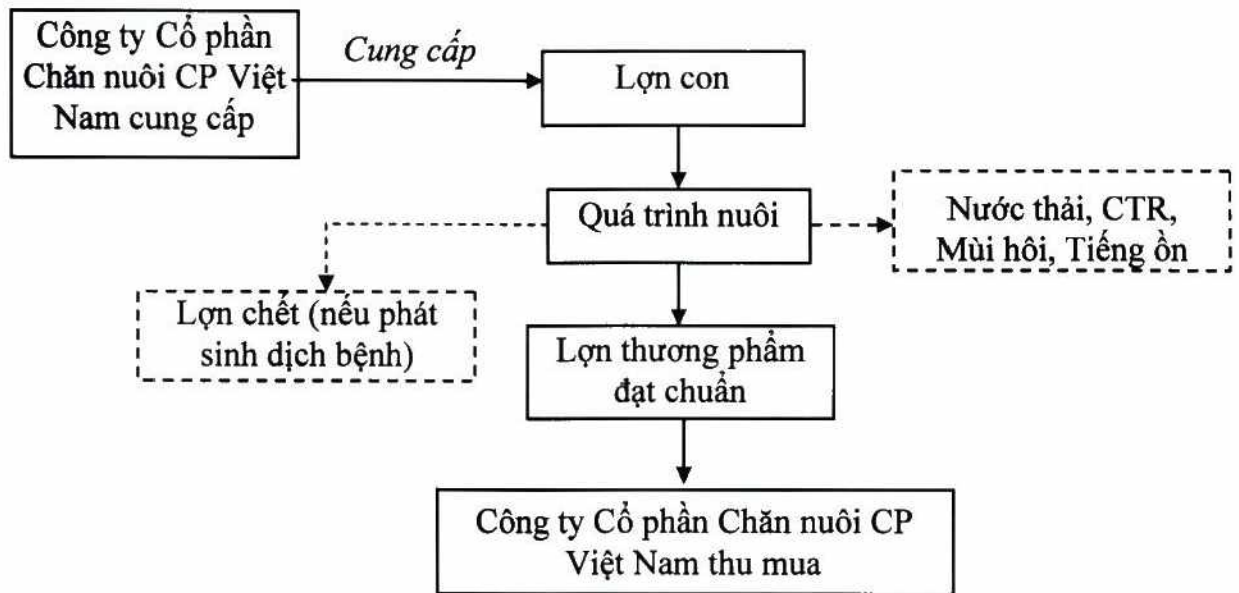
4	Hồ hủy xác (lợn bệnh, lợn chết)	100	0,77
5	Kho chứa CTR, CTNH	80	0,62
6	Hệ thống xử lý nước thải	3.000	23,1
	TỔNG	13.000	100

* Quy mô công suất:

- Quy mô chuồng trại: 2.400 con lợn thương phẩm/đợt nuôi; 1 năm nuôi 2 đợt.

1.5. Công nghệ sản xuất, vận hành

Quy trình chăn nuôi của Dự án được mô tả trong sơ đồ tổng thể sau:



1.6. Các hạng mục công trình của dự án

1.6.1. Các hạng mục công trình chính của Dự án

* Nhà lợn thương phẩm: gồm 02 nhà nuôi, kích thước mỗi nhà 20x75m. Nhà được xây dựng theo kết cấu: Móng đơn, tường xây gạch nung, khung BTCT, kèo thép chịu lực, mái tôn lạnh dày 0,4mm, cách nhiệt. Nền vữa xi măng mác 200.

Trong nhà nuôi được chia làm 2 ngăn có lối đi ở giữa, mỗi ngăn gồm 7 ô nuôi với diện tích bằng nhau để thuận tiện cho quá trình chăn nuôi. Độ dốc của nền chuồng là từ 3 – 5%, hai bên sườn của mỗi nhà nuôi có rãnh thu gom nước thải và phân với kích thước rộng 0,8m và sâu 0,3m được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung (Cống B200) nằm phía cuối nhà nuôi.

1.6.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của Dự án

* Nhà nghỉ ngơi và nhà ăn ở công nhân, nhà vệ sinh công nhân, nhà sát trùng nhà kho thức ăn, nhà bảo vệ, nhà xuất bán kết hợp nhà cách ly khi lợn bị bệnh: Móng xây bằng bê tông M75, vữa xi măng M50. Mái lợp tôn.

* Đường giao thông nội bộ

Nền đổ bê tông đá 4x6, dày 100 đầm chặt, có cốt khe co giãn (2,5x2,5)m, rộng 25mm. Riêng đường nội bộ được lát gạch con sấu kích thước (225x112,5x60)mm.

*** Hệ thống cấp nước**

Hệ thống cấp nước sinh hoạt và chăn nuôi: Chủ dự án sẽ tiến hành khoan 01 giếng để có thể cung cấp đủ cho các hoạt động sinh hoạt và sản xuất của Trang trại. Nước bơm lên được đưa vào bể chứa của Trang trại và theo cao trình chảy đến các vị trí sử dụng.

Đối với hệ thống cấp nước cho các dãy chuồng được lắp đặt bằng ống PVC D34 (ống nhánh dẫn đến từng chuồng nuôi) và D60 (ống chính). Tại mỗi chuồng nuôi được lắp đặt một van riêng để thuận tiện cho việc cung cấp và sửa chữa hệ thống.

*** Hệ thống cấp điện chiếu sáng, trạm biến áp**

- Dự án sử dụng nguồn điện lưới được đấu nối từ đường thôn An Trung, đường điện chạy dọc theo đường đất đỏ vào dự án dài 1,4km.

- Điện chiếu sáng: Chiếu sáng tại trang trại loại đèn pha Halozen công suất 220V/250W. Nguồn điện chiếu sáng được lấy từ trạm biến áp. Chiếu sáng trong nhà dùng loại đèn Nêông công suất 220V/40W. Còn chiếu sáng toàn bộ khu vực trang trại dùng đèn huỳnh quang cao áp 250W - 220V lắp trên cột thép hoặc trên tường nhà, cao $H_c = 10m$.

1.6.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

*** Hồ hủy xác**

Khu vực bố trí hồ hủy xác có diện tích $100m^2$, kích thước hồ hủy xác tùy thuộc vào khối lượng lợn cần tiêu hủy được cho xuống hố. Theo quy định tại QCVN 01 - 41: 2011/BNNPTNT, chiều rộng hố chôn không quá 03m để dễ thao tác, chiều dài có thể 9 – 12m, chiều sâu 1,2 – 1,5m. Hố được lót bạt PVC (một loại vải cơ sở polyester filament và nhựa dán PVC dán hai mặt).

*** Kho chứa CTR, CTNH**

Nhà kho chứa CTR có chiều cao 3,5 m, sử dụng khung thép chịu lực và tôn lợp sóng dày 0,4 mm ngăn giữa kho chứa CTR thông thường có diện tích $60 m^2$ và kho chứa CTNH có diện tích $20 m^2$. Kết cấu bằng khung thép chịu lực chính, tường bằng tôn lợp sóng dày 0,4 mm bao quanh. Mái lợp tôn sóng vuông xấp nhựa dày 0,4 mm; xà gỗ thép, cửa kính khung nhôm.

*** Nhà ép phân:**

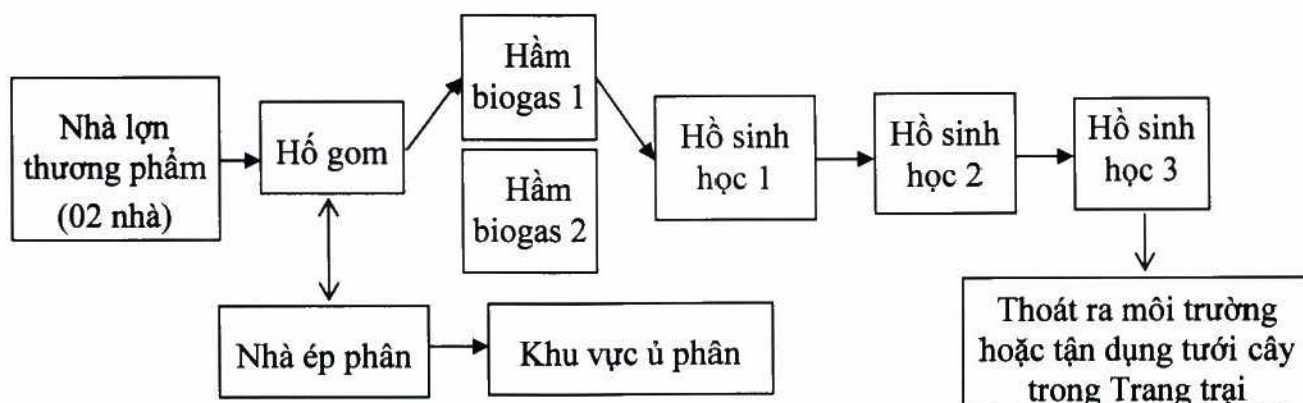
Nhà có diện tích $40 m^2$ kích thước (5x8)m, nhà được xây dựng theo kết cấu: Móng đơn, tường xây blo cao 1m, mái lợp tôn, chiều cao từ nền lên đỉnh mái là 3,5m.

*** Khu vực ủ phân**

Khu vực ủ phân kích thước $240m^2$, được chia thành nhiều đống ủ tùy theo khối lượng phân đưa về. Hố được lót bạt taluy, xung quanh nền đổ bê tông đá 4×6 , dày 100 đảm chắc. Hố được phủ bạt trong quá trình ủ phân. Với khối lượng phân lợn phát sinh là $2.520kg/ngày$ (tương đương $2,52m^3/ngày$), lượng phân được ủ thời gian tối đa trong 3 tháng là $226,8m^3$. Với diện tích nhà ủ phân là $240m^2$ hoàn toàn có thể chứa lượng phân trong 3 tháng với chiều cao đống ủ là 0,9 – 1m. Bên cạnh đó, trong quá trình ủ phân, thể tích khối ủ sẽ giảm rất nhiều do quá trình phân hủy các chất hữu cơ thành thể khí và nước.

*** Hệ thống thu gom và xử lý nước thải chăn nuôi**

Trang trại xây dựng 02 chuồng nuôi lợn thương phẩm. Khi đi vào chăn nuôi với quy mô 2.400 con/lứa. Chủ dự án sẽ xây dựng HTXLNT như sau:



Nước thải được đưa về hồ gom, từ hồ gom nước thải được chia đôi lưu lượng về 02 hầm biogas HDPE có công suất xử lý mỗi hầm $20\text{m}^3/\text{ngày}$, kích thước mỗi hầm là: KT đáy $(12 \times 16)\text{m}$, KT mặt $(14 \times 18)\text{m}$, chiều sâu $3,2\text{m}$ (không tính taluy), thể tích của hầm là 1.400m^3 (tính cả phần chứa khí). Hầm được xây dựng bằng đất tự nhiên đầm nén chặt, đắp taluy rộng 2m , cao 1m , chống thấm bằng bạt HDPE $0,5\text{mm}$, phần phía trên cũng được phủ bằng lớp HDPE dày 1mm . Sau khoảng thời gian xử lý là 35 ngày, nước thải sẽ được đưa qua lần lượt 03 hồ sinh học được thiết kế lót bạt HPDE, đắp taluy xung quanh hồ với chiều rộng 2m , chiều cao 1m . Hồ sinh học 1 có kích thước đáy KT đáy $(18 \times 20)\text{m}$, KT mặt $(20 \times 22)\text{m}$, chiều sâu 3m (không tính taluy), thể tích của hồ là 1.198m^3 . Hồ sinh học 2 có kích thước đáy $(22 \times 24)\text{m}$, kích thước mặt $(24 \times 26)\text{m}$, chiều sâu $2,1\text{m}$ (không tính taluy), thể tích của hồ là 1.207m^3 . Hồ sinh học 3 có kích thước đáy $(10 \times 12)\text{m}$, kích thước mặt $(12 \times 14)\text{m}$, chiều sâu $2,7\text{m}$ (không tính taluy), thể tích của hồ là 401m^3 . HTXLNT được xây dựng ở phía Tây khu vực Dự án. Nước thải xử lý đạt cột B của QCVN 62-MT:2016/BTNMT trước khi thoát ra khe nước tự nhiên nằm ở phía Tây khu vực Dự án. Vào mùa khô sử dụng nước thải để tưới cây trồng khu vực xung quanh Dự án, không thải ra môi trường, chỉ thải vào mùa mưa. Tổng diện tích HTXLNT là 3.000m^2

*** Cây xanh**

Tổng diện tích cây xanh là 4.909m^2 (37,76%). Diện tích cây xanh được bố trí bao quanh khuôn viên trang trại để giảm thiểu mùi hôi phát tán ra xung quanh.

*** Hệ thống thoát nước:**

- Hệ thống thoát nước mưa: Sử dụng mương hở, xây bằng bê tông mác 250, kích thước Bxh $(0,7 \times 0,5)\text{m}$, hệ thống ống dẫn được bố trí dọc theo tuyến đường nội bộ của Trang trại và khu vực chuồng nuôi, nhà điều hành với tổng chiều dài là 342m , bố trí các hố ga để lắng các tạp chất trước khi nước mưa chảy xuống khe nước tự nhiên phía Tây khu vực Dự án.

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý ở bể tự hoại ở khu nhà vệ sinh được đầu nối vào hệ thống rãnh thoát nước mưa chảy xuống khe nước tự nhiên phía Tây khu vực dự án

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án: *(Chi tiết tại bảng 5.1, mục 5.1).*

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án: *(Chi tiết tại bảng 5.1, mục 5.1).*

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án: *(Chi tiết tại bảng 5.1, mục 5.1).*

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Bảng 5.1. Chương trình quản lý môi trường của Dự án

TT	Các tác động	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí (ngàn đồng)	Thời gian thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Trách nhiệm giám sát
I	Giai đoạn thi công xây dựng					
1	<ul style="list-style-type: none"> - Bụi từ quá trình san gạt mặt bằng - Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện vận tải, máy móc thi công, từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu - Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện, máy móc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lu lèn đầm chặt đảm bảo hạn chế phát tán bụi do gió. - Phun nước tần suất 02 lần/ngày tại đường đất vào vị trí dự án khoảng 1,4km. - Không sử dụng các phương tiện đã quá cũ có khả năng phát sinh khí thải lớn. - Các phương tiện vận chuyển phải có bạt che phủ và không chở quá tải.. 	500/ngày (phun nước)	Trong suốt quá trình thi công xây dựng	Đơn vị thi công và Chủ dự án	Chủ dự án
2	Nước thải từ quá trình thi công xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 6m³. - Xây dựng hệ thống thoát nước mưa có chiều dài 342m - Đắp taluy với độ cao +1m, rộng 2m xung quanh hồ sinh học, hầm biogas - Quá trình thi công tận dụng tối đa nguồn nước để phục vụ cho việc bảo dưỡng công trình 	35.000 (nhà vệ sinh) 80.000 (hệ thống thoát nước)			

Chủ dự án	
Đơn vị thi công và Chủ dự án	
Trong suốt quá trình thi công xây dựng	
<p>CTR xây dựng, CTR sinh hoạt, CTNH</p>	<p>- CTR xây dựng tái sử dụng cho các mục đích khác nhau như: đắp taluy xung quanh hồ sinh học, san lấp mặt bằng, làm đường giao thông hoặc bán phế liệu. - Rác thải sinh hoạt thu gom bỏ vào 02 thùng rác loại 120L bố trí ở khu vực lán trại. - Đối với sinh khối thực vật được bán cho các cơ sở thu mua, phân không bán được được tận dụng để làm củi đốt. Đối với đất đào đào phong hóa được san gạt mặt bằng các khu vực thấp trũng, không đổ thải ngoài dự án. - Trang bị thùng chứa CTNH 120L, sau đó thuê đơn vị có năng lực thu gom xử lý.</p>
<p>4 - Sự cố cháy nổ</p>	<p>- Đường dây điện từ trạm biến áp của Trang trại đến khu vực thi công phải là các đường dây kín, đảm bảo an toàn trong sử dụng. - Trang bị các máy bơm nước và các dây, ống dẫn nước để ứng phó kịp thời khi có đám cháy xảy ra.</p>
<p>5 - Sự cố tai nạn lao động</p>	<p>- Trang bị đầy đủ, đúng chủng loại các phương tiện bảo hộ lao động và thực hiện các chế độ về an toàn, theo quy định. - Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công nhân phải sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động khi làm việc.</p>
<p>6 - Sự cố sạt lở, thiên tai</p>	<p>- Thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình kiên cố, chịu được sức gió mạnh. - Tổ chức kiểm tra định kỳ sự ổn định của hố móng, thực hiện gia cố móng nếu thấy có nguy cơ xói xung quanh hố móng.</p>

II		Giai đoạn hoạt động		Chủ dự án		Chủ dự án	
1	- Khí thải, mùi hôi từ phân lợn	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế chuồng trại thoáng mát, lắp đặt các quạt làm mát và hút mùi. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo mùi hôi không phát sinh từ nước thải. - Vệ sinh chuồng trại (tần suất 1 lần/ngày), phun chế phẩm EM, phun thuốc sát trùng (tần suất 5-7 ngày/lần) 	2.000/tháng	Trong suốt thời gian hoạt động Trang trại	Chủ dự án	Chủ dự án	
	- Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Trồng cây xanh điều hòa môi trường với diện tích 4.909m² - Các phương tiện ra vào kho không được nổ máy trong quá trình vận chuyển lợn và thức ăn. - Trang bị 02 bộ bảo hộ/năm/công nhân: khẩu trang, mũ, giày, áo quần bảo hộ...vv 	50.000 (cây xanh) 10.000 (bảo hộ lao động)				
2	- Nước thải từ nước tiểu và phân lợn	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải chăn nuôi với công suất xử lý $Q_{max}=39,5m^3/ngày$. Trong đó gồm 01 hố gom kích thước (1,5×1,5×1)m, 02 hầm biogas HDPE có kích thước mỗi hầm là: KT đáy (12×16)m, KT mặt (14×18)m, chiều sâu 3,2m (không tính taluy), thể tích của hầm là 1.400m³ (tính cả phần chứa khí), 03 hồ sinh học được thiết kế lót bạt HPDE, hồ sinh học 1 có kích thước đáy KT đáy (18×20)m, KT mặt (20×22)m, chiều sâu 3m (không tính taluy), thể tích của hồ là 1.198m³. Hồ sinh học 2 có kích thước đáy (22×24)m, kích thước mặt (24×26)m, chiều sâu 2,1m (không tính taluy), thể tích của hồ là 1.207m³. Hồ sinh học 3 có kích thước đáy (10×12)m, kích thước mặt (12×14)m, chiều sâu 2,7m (không tính taluy), thể tích của hồ là 401m³. 	700.000 (HTXLNT)	Trong suốt thời gian hoạt động Trang trại	Chủ dự án	Chủ dự án	

	<ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa kích thước (0,7x0,5)m, tổng chiều dài là 342m, bố trí 08 hố ga để lắng các tạp chất. - Xây dựng bể tự hoại 3 ngăn có kích thước 6m³ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt (đã xây dựng giai đoạn thi công). 	-		
	<ul style="list-style-type: none"> - CTR sinh hoạt 	<ul style="list-style-type: none"> - Rác thải sẽ được thu gom, phân loại để vào 02 thùng đựng rác loại 120L đã mua ở giai đoạn thi công và hợp đồng với HTX Dịch vụ Môi trường và Đô thị huyện Cam Lộ đưa đi xử lý. 	-		
3	<ul style="list-style-type: none"> - CTR từ phân lợn, CTR từ hầm biogas 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư máy ép phân lợn công suất: 10m³/h. Xây dựng khu vực ủ phân có diện tích 240m², bón cho vườn cây và bán cho các hộ dân có nhu cầu. - Tần suất hút bùn từ hầm biogas là 1 lần/năm. 	70.000 (khu vực ủ phân)		
	<ul style="list-style-type: none"> - CTR từ bao bì thức ăn 	<ul style="list-style-type: none"> - Thu gom, phân loại, tái sử dụng hoặc bán cho các cơ sở tái chế. - Xây dựng kho chứa CTR có S=60m². 	40.000		
	<ul style="list-style-type: none"> - CTNH. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thu gom, phân loại. - Lưu trữ trong 01 thùng loại 120L, lưu trong kho chứa CTNH có S = 20m². - Dự kiến sẽ hợp đồng với đơn vị có năng lực để xử lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - 600/thùng - 20.000/kho CTNH 		

				Chủ dự án
				Chủ dự án
				Trong suốt thời gian hoạt động Trang trại
4	- Dịch bệnh	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động trong khâu phòng ngừa dịch bệnh từ công tác chuẩn bị cho đến ứng phó khi dịch bệnh xảy ra. - Bố trí khu vực hủy xác 100m² - Xây Nhà khử trùng công nhân, khử trùng xe, hố hủy xác để phòng bệnh. - Duy trì chế độ phòng ngừa dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan thú y địa phương, bố trí cán bộ thú y có chuyên môn. - Khi có dịch bệnh xảy ra sẽ tổ chức các biện pháp như: Cách ly những con lợn có triệu chứng nhiễm bệnh; Lập tức báo cho cơ quan chính quyền địa phương, Chi cục Chăn nuôi và Thú y Quảng Trị; Tiêm ngừa phòng bệnh cho lợn nhốt chung với lợn bị bệnh; Tăng cường vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, vitamin tăng sức đề kháng cho lợn. 	-	
5	- Sự cố cháy nổ	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy về PCCC, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC. - Đưa ra các nội quy không được hút thuốc trong quá trình làm việc, đặc biệt tại khu vực hệ thống biogas. 	-	
6	- Sự cố tai nạn lao động, giao thông;	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tập huấn an toàn lao động với 01 lần/năm - Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân: khẩu trang, mũ, giày, áo quần bảo hộ... - Chấp hành nghiêm chỉnh luật an toàn giao thông đường bộ. 	-	
	- Sự cố hệ thống xử lý nước thải	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế và vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn. - Kiểm tra, bảo dưỡng HTXLNT với tần suất 6 tháng/lần. 	-	

	<p>Sự cố do mưa bão, sạt lở</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình kiên cố, chịu được sức gió mạnh. - Hệ thống thoát nước mưa của khu vực Trang trại được đổ bê tông nên nước mưa không thể ngấm vào đất làm cơ cấu đất yếu đi. - Trước khi có bão lũ xảy ra, Chủ trang trại sẽ thông báo kịp thời và có những phương án ứng cứu các sự cố khác có thể xảy ra đồng thời. 				
--	---------------------------------	--	--	--	--	--

5.2. Chương trình giám sát môi trường

5.2.1. Giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

a. Giám sát môi trường không khí

- Thông số giám sát: Độ ồn, độ bụi, CO, NO_x, SO₂.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong khu vực đang thi công (có tọa độ VN 2000, KTT 106°, múi 3°: X: 1.848.712m, Y: 574.399m)
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 24:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT

b. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Tại khu vực tập trung chất thải rắn của công trình (có tọa độ VN 2000, KTT 106°, múi 3°: X: 1.848.749m, Y: 574.268m).
- Các thông số giám sát: Thành phần, khối lượng và hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn và CTNH
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

5.2.2. Giám sát nước thải trong giai đoạn hoạt động (vận hành thử nghiệm)

- Số lượng giám sát: 02 vị trí
- Vị trí giám sát:
 - + 01 vị trí tại hố gom trước khi vào hệ thống xử lý biogas (có tọa độ VN 2000, KTT 106°, múi 3°: X: 1.848.718m, Y: 574.294m);
 - + 01 vị trí sau khi qua hệ thống xử lý (hồ sinh học số 3) (có tọa độ VN 2000, KTT 106°, múi 3°: X: 1.848.746m, Y: 574.291m).
- Loại mẫu: mẫu đơn và tổ hợp theo quy định cho từng giai đoạn.
- Thông số giám sát: Lưu lượng thải, pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng Nitơ, Coliform.
- Tần suất giám sát:
 - + Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của từng công đoạn xử lý).
 - + Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh. Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi (Cột B)

5.2.3. Giám sát chất thải trong giai đoạn hoạt động (vận hành thương mại)

a. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Số lượng giám sát: 02 vị trí
- Vị trí giám sát:
 - + 01 vị trí cổng chính ra vào Trang trại (có tọa độ VN 2000, KTT 106°, múi 3°: X: 1.848.714m, Y: 574.419m);
 - + 01 vị trí khu vực phía Tây của Trang trại (điểm cuối chuồng nuôi) (có tọa độ VN 2000, KTT 106°, múi 3°: X: 1.848.718m, Y: 574.430m).
- Các thông số giám sát: Bụi, H₂S, NH₃, Tiếng ồn.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 06:2009/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

b. Giám sát chất lượng nước thải

- Số lượng giám sát: 02 vị trí
- Vị trí giám sát:
 - + 01 vị trí tại hồ gom trước khi vào hệ thống xử lý biogas (có tọa độ VN 2000, KTT 106°, múi 3°: X: 1.848.718m, Y: 574.294m);
 - + 01 vị trí sau khi qua hệ thống xử lý (hồ sinh học số 3) (có tọa độ VN 2000, KTT 106°, múi 3°: X: 1.848.746m, Y: 574.291m).
- Các thông số giám sát: lưu lượng thải, pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng Nitơ, Coliform.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B)
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

c. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Tại khu vực tập trung chất thải rắn của Trang trại (có tọa độ VN 2000, KTT 106°, múi 3°: X: 1.848.752m, Y: 574.271m).
- Các thông số giám sát: Thành phần, khối lượng và hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn và CTNH
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Quản lý và xử lý bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 26/2016/BYT (quy định điều kiện vi khí hậu nơi làm việc), QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT.

- Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 24/2016/BYT (mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc).

- Quản lý và xử lý nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT; QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

- Thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý CTR, quản lý CTNH theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH và các văn bản hướng dẫn liên quan, an toàn và vệ sinh môi trường, an toàn giao thông.

- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường; định kỳ tối thiểu 06 tháng/01 lần báo cáo kết quả quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN RÁC THẢI NGUY HẠI TRONG CHĂN NUÔI

Hôm nay, ngày 31 tháng 5 năm 2023.
Tại cơ sở chăn nuôi Tân Ưông Văn Sơn

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ CHĂN NUÔI:

- Ông (bà) : Nguyễn Thị Kiều Nhi Chức vụ: Quản lý

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

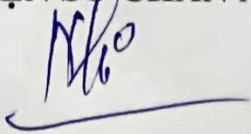
- Ông (bà) Phan Lê Quang Chức vụ: Đại sứ quản lý

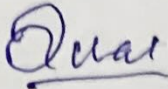
Đã tiến hành kiểm kê, giao nhận số rác thải nguy hại trong chăn nuôi như sau.

TT	DANH MỤC	Số lượng	Ghi chú
1	Vitamin gel	5	
2	Tylogel	20	
3	Abixitine	15	
4	Hita max	25	
5	Arazin	20	
6	florzel	15	
7	Nex flax	5	
8	Ticoral line	15	

Hai bên cùng kiểm kê, giao nhận và thống nhất số liệu đầy đủ như trong biên bản. Số rác thải trên được đưa về Công ty .. CP.VN Chi nhánh Quang Sơn để tiêu hủy đúng theo quy định. Biên bản được lập thành 02 bản; Công ty .. CP. Việt Nam giữ 01 bản, chủ cơ sở chăn nuôi giữ 01 bản để lưu vào hồ sơ.

ĐẠI DIỆN SỞ CHĂN NUÔI ĐẠI DIỆN CÔNG TY


Nguyễn Thị Kiều Nhi


Phan Lê Quang

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN RÁC THẢI NGUY HẠI TRONG CHĂN NUÔI

Hôm nay, ngày 20 tháng 4 năm 2022
 Tại cơ sở chăn nuôi Công ty Việt Nam

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ CHĂN NUÔI:

- Ông (bà) : Nguyễn Thị Kiều Nhi Chức vụ: Quản lý

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

- Ông (bà) : Phan Lê Quang Chức vụ: Kế Sĩ Quản lý

Đã tiến hành kiểm kê, giao nhận số rác thải nguy hại trong chăn nuôi như sau.

TT	DANH MỤC	Số lượng	Ghi chú
1,	Noxflax	5	
2,	Zinazine	8	
3,	Anazine	15	
4,	Hikmax	20	
5,	Tai xanh	88	
6,	Vitamine gel	5	
7,	flozet	10	

Hai bên cùng kiểm kê, giao nhận và thống nhất số liệu đầy đủ như trong biên bản. Số rác thải trên được đưa về Công ty CPVN Chi nhánh Quang Yên để tiêu hủy đúng theo quy định. Biên bản được lập thành 02 bản; Công ty CPVN giữ 01 bản, chủ cơ sở chăn nuôi giữ 01 bản để lưu vào hồ sơ.

ĐẠI DIỆN SỞ CHĂN NUÔI

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CPVN Chi nhánh Quang Yên

(Signature)

(Signature)

Nguyễn Thị Kiều Nhi

Phan Lê Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHĂN NUÔI GIA CÔNG HEO THỊT

Số: CPVN – QT 12/2023
Số hợp đồng CP: 2310151372045V

Hôm nay, ngày 04 tháng 04 năm 2023, chúng tôi hai bên gồm có:

Bên A: (Bên Đặt Gia Công)

Tên	:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P. VIỆT NAM - CHI NHÁNH
2 TẠI QUẢNG TRỊ	:	
Địa chỉ	:	Khu phố 9, Phường 5, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
Mã số thuế	:	3600224423-106
Điện thoại	:	02333.522.779
Fax	:	02333.522.779
Đại diện	:	Ông JIRA WIT RACHATANAN
Chức vụ	:	Phó Tổng Giám Đốc

Bên B: (Bên nhận gia công)

Tên	:	VÕ ĐỨC THU
Địa chỉ	:	An Đức 3, Thị trấn Cửa Tùng, Vĩnh Linh, Quảng Trị.
CMND	:	045076000270
Địa chỉ xây dựng trại	:	Xã Cam Chính, Huyện Cam Lộ, Tỉnh Quảng Trị.
Số TK	:	3904215001562 Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Huyện Cam Lộ- Quảng Trị

Sau khi bàn bạc và thỏa thuận hai bên thống nhất ký kết Hợp Đồng với các điều khoản và điều kiện như sau:

Điều 1: Nội dung Hợp Đồng

- Bên A đồng ý giao Bên B chăn nuôi gia công và Bên B đồng ý nhận chăn nuôi gia công heo thịt với nội dung như sau:
Con giống : heo con đã cai sữa (Từ 3 tuần tuổi và không thấp hơn 4kg/ con).
Số lượng con giống dự kiến từng đợt Bên A giao cho Bên B theo quy mô trại 1.000 con:
+ Diện tích : Chuồng 2 : 1.280 m² : 1.000 Con
+ Số chuồng : 01
+ Nền trại : Xi măng
+ Mái lợp : Tôn
+ Mô hình trại : Evap
+ Thiết bị hệ thống trại: Có thiết bị ăn, thiết bị uống, thiết bị làm mát hoặc sưởi ấm (đèn ga, bếp than, bóng sưởi ấm heo), hàng rào xung quanh trại, máy xịt sát trùng, phòng thay đồ, kho cám, nhà công nhân, nhà sát trùng xe vận chuyên, sát trùng công nhân, máy phát điện dự phòng đủ công suất theo thiết bị điện sử dụng.
- Thời gian xây dựng chuồng trại :

Từ 01/09/2011 trở đi	<input checked="" type="checkbox"/>
Từ 01/03/2011- 31/08/2011	<input type="checkbox"/>
Từ 01/07/2008- 28/02/2011	<input type="checkbox"/>
Từ 01/11/2007- 30/06/2008	<input type="checkbox"/>
Trước 01/11/2007	<input type="checkbox"/>
- Số lượng con giống thực tế do Bên A toàn quyền quyết định. Trường hợp con giống giao xuống trại lớn hơn 10% so với số lượng con giống dự kiến phải lập Phụ lục Hợp Đồng.
- Việc giao con giống này được thực hiện theo từng lứa trong suốt thời hạn Hợp Đồng, trừ trường hợp heo bị dịch bệnh trầm trọng hoặc do những nguyên nhân khách quan, bất khả kháng hoặc theo quyết định của Bên A.

Điều 2: Thời hạn Hợp Đồng

- Thời hạn Hợp Đồng từ ngày 04 tháng 04 năm 2023 đến ngày 04 tháng 04 năm 2028

- Trong trường hợp chưa kết thúc lứa đang nuôi mà Hợp Đồng hết hạn thì Hợp Đồng này sẽ mặc nhiên được gia hạn đến khi kết thúc lứa.
- Hợp Đồng này sẽ tự động được thanh lý khi hết hạn và hai bên đã hoàn tất các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp Đồng này.

Điều 3: Tiền nuôi gia công và phương thức thanh toán

- Sau khi thúc lứa nuôi, căn cứ vào quy định trong Điều lệ thanh toán tiền gia công nuôi heo thịt đính kèm theo Hợp Đồng này, Bên A sẽ lập Bảng tính thu nhập ngành chăn nuôi heo cho lứa nuôi đó và gửi cho Bên B qua Email được quy định tại Hợp đồng này.
- Bên B có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động Email như đã cung cấp tại phần đầu của Hợp đồng này, đảm bảo Email được sử dụng một cách ổn định và liên tục trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng. Trường hợp Bên B có nhu cầu thay đổi Email thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước thời điểm kết thúc lứa nuôi và được Bên A xác nhận thông tin này. Nếu Bên A không nhận được bất kỳ văn bản thông báo nào của Bên B thì mặc định Email Bên B hoạt động tốt và đang nhận thông tin Bảng tính thu nhập ngành chăn nuôi heo bình thường.
- Trường hợp Bên B gặp sự cố không thể nhận được email, Bên B phải lập tức thông báo cho Bên A để Bên A quyết định phương án giải quyết. Nếu Bên A không nhận được bất kỳ văn bản thông báo nào của Bên B thì mặc định Email Bên B hoạt động tốt và đang nhận thông tin Bảng tính thu nhập ngành chăn nuôi heo bình thường.
- Trong vòng 1 ngày kể từ ngày hệ thống của Bên A gửi Bảng tính thu nhập ngành chăn nuôi heo cho Bên B, Bên B phải kiểm tra Bảng tính thu nhập ngành chăn nuôi heo. Nếu trong thời gian này mà Bên B không có phản hồi nào đối với số liệu của Bảng tính thu nhập ngành chăn nuôi heo thì sẽ mặc định coi như Bên B đã đồng ý với tất cả số liệu của Bảng tính thu nhập ngành chăn nuôi heo. Nếu Bên B có bất kỳ phản hồi nào liên quan đến tất cả số liệu trên Bảng tính thu nhập ngành chăn nuôi heo thì Bên B sẽ gửi văn bản cho Bên A để hai Bên cùng giải quyết.
- Bên A sẽ thanh toán tiền cho Bên B trong vòng 14 đến 21 ngày kể từ ngày Bên B đồng ý với Bảng tính thu nhập ngành chăn nuôi heo và Bên A nhận đầy đủ chứng từ hợp pháp, hợp lệ có liên quan. Bên A ủy quyền cho bên thứ 3 thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B như sau:
 - Bên thứ 3 thanh toán: Công ty cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam (C.P. Vietnam Corporation).
 - Bên A có quyền khấu trừ bất kỳ khoản phạt hoặc các khoản thanh toán nào khác mà Bên B phải trả cho Bên A vào tiền nuôi gia công phải trả cho Bên B, hoặc các khoản thanh toán khác của Bên A cho Bên B vào tiền nuôi gia công của Bên B.
 - Tùy theo quyết định độc lập của Bên A, Bên A có thể áp dụng, thay đổi, chấm dứt bất kỳ khoản trả thêm nào khác ngoài các khoản được quy định tại Điều lệ thanh toán tiền gia công nuôi heo thịt đính kèm Hợp Đồng này.
 - Tiền gia công thanh toán cho Bên nhận gia công sẽ được Bên đặt gia công chuyển khoản vào tài khoản của Bên nhận gia công ghi tại trang 1 của Hợp đồng hoặc tài khoản khác do Bên nhận gia công thông báo cho Bên đặt gia công. Nghĩa vụ thanh toán của Bên đặt gia công sẽ được coi là đã hoàn thành sau khi Bên đặt gia công hoàn thành việc chuyển khoản tiền gia công phát sinh vào tài khoản của Bên nhận gia công nói trên.
 - Thời điểm hoàn thành dịch vụ chăn nuôi gia công cho từng lứa nuôi là ngày Bên đặt gia công ký duyệt Bảng tính thu nhập ngành chăn nuôi heo tương ứng cho lứa nuôi đó. Một bảng tính thu nhập ngành chăn nuôi có thể lập cho nhiều lứa nuôi khác nhau.
 - Nếu Bên nhận gia công không có phản hồi nào đối với số liệu của Bảng tính thu nhập ngành chăn nuôi heo trong vòng [15 ngày] kể từ ngày của Bảng tính thu nhập ngành chăn nuôi heo thì sẽ tự động coi như Bên nhận gia công đã đồng ý với số liệu của Bảng tính thu nhập ngành chăn nuôi heo.
 - Hai bên đồng ý rằng khi xuất chuồng heo thịt do Bên B chăn nuôi cho Bên A theo Hợp Đồng này, Bên A có quyền lựa chọn vận chuyển heo thịt xuất chuồng tới các trung tâm bán heo của Bên A để cân xác định kết quả chăn nuôi gia công. Hai Bên đồng ý rằng trong trường hợp đó trọng lượng heo làm căn cứ tính phí/thu nhập gia công theo quy định của Hợp Đồng sẽ được xác định theo công thức quy định tại Đề Nghị (V/v: Trọng lượng heo tính thu nhập cho trại) đính kèm Hợp Đồng này.
- Hai bên thống nhất khoảng cách từ trại gia công của Bên B tới trung tâm bán heo của Bên A để làm căn cứ tính trọng lượng heo theo công thức tại Thông Báo nêu trên là:
 - Trung tâm bán heo chi nhánh Quảng Trị : 24 km
 - Trung tâm bán heo chi nhánh Đà Nẵng : 218 km

- > Trung tâm bán heo km
- > Trung tâm bán heo km
- >

Điều 4: Quyền và Nghĩa vụ của Bên A

4.1 Quyền của Bên A

- Bên A quyết định số lượng con giống và thời gian chăn nuôi cho mỗi lứa heo. Trước khi giao và bắt heo Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước 6 giờ.
- Tất cả con giống, thức ăn, bao đựng thức ăn, thuốc, vắc xin, thiết bị chăn nuôi, vật dụng liên quan đến chăn nuôi mà Bên A chuyển giao cho Bên B là tài sản của Bên A. Bên B sẽ luôn công nhận, tôn trọng và bảo quản tài sản này trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.
- Bên A có quyền thu hồi tài sản của mình khi kết thúc lứa nuôi, khi chấm dứt Hợp Đồng hoặc trong thời hạn hợp đồng mà tài sản của Bên A có dấu hiệu mất an toàn.
- Trong trường hợp Bên A đã thông báo về việc bắt heo, nhưng Bên B hoặc người đại diện của Bên B không có mặt vì bất kỳ lý do nào thì Bên A có toàn quyền cân và bắt heo mà Bên B không có quyền khiếu nại gì về việc cân và bắt heo như vậy.
- Trong bất kỳ khoảng thời gian nào hay vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt thời hạn của Hợp Đồng này, nhân viên do Bên A cử xuống có quyền kiểm tra chuồng trại, hướng dẫn, xác nhận số lượng con giống, cám, thuốc và mọi công việc của Bên B liên quan đến Hợp Đồng này.
- Bên A có quyền kiểm tra việc chăm sóc, thay đổi, bổ sung hoặc giảm bớt quy trình chăn nuôi nhằm đảm bảo việc chăn nuôi đạt kết quả và các chỉ tiêu theo quy định của Bên A.
- Bên A theo quyết định của mình có quyền yêu cầu Bên B thay đổi người làm công của Bên B trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Bên A nếu Bên A cho rằng người đó đã không làm tròn nhiệm vụ hoặc ảnh hưởng đến quá trình nuôi gia công.
- Bên A có quyền nhắc nhở Bên B hoặc đơn phương chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức trong các trường hợp như:

+ Bên B chăn nuôi không hiệu quả căn cứ tỷ lệ tiêu tốn thức ăn so với tiêu chuẩn và tỷ lệ chết như sau:

(a) Dựa vào sự so sánh FCR thực tế và FCR tiêu chuẩn ($FCR = \text{tỷ lệ tiêu tốn thức ăn}$):

- (1) Chênh lệch FCR thực tế so với FCR tiêu chuẩn: từ 0.01 đến 0.05: Nghỉ nuôi 1 đợt (lúa).
- (2) Chênh lệch FCR thực tế so với FCR tiêu chuẩn: cao hơn 0.05: Nghỉ nuôi 2 đợt (lúa) hoặc vô thời hạn.

(b) Dựa vào tỷ lệ chết trong quá trình chăn nuôi:

- (1) Tỷ lệ chết: lớn hơn 5%: nghỉ nuôi vô thời hạn

Trường hợp nông dân có chuồng heo trong khu vực có dịch bệnh bán kính 3 km sẽ không được thả heo cho đến khi khu vực đó hết dịch bệnh.

Trường hợp trong quá trình chăn nuôi xảy ra sự cố như: dịch bệnh, hỏa hoạn, thiên tai. Hai bên cùng nhau xem xét, thương lượng giải quyết vấn đề thực tế.

Nếu do điều kiện khách quan, bất khả kháng hợp đồng vẫn tiếp tục nhưng phải có sự đồng ý của Bên A bằng văn bản.

+ Thiếu sự chăm sóc đàn heo.

+ Gian lận tài sản của Bên A như: con giống, thức ăn, thuốc, vắc xin.

+ Vi phạm một trong các điều khoản của Hợp Đồng.

- Bên A có quyền nhắc nhở Bên B hoặc đơn phương chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức trong bất kỳ trường hợp nào nêu trên.

- Trong trường hợp tài sản của Bên A đưa vào chuồng trại bị mất mát, hư hỏng, hao hụt hoặc không khớp với sổ sách của Bên A thì Bên B đồng ý chịu mức phạt theo thông báo CP_MTI 1203/14 của Bên A đưa ra (được đính kèm theo Hợp Đồng này).
- Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm của Bên B, Bên A có quyền yêu cầu Bên B bồi thường toàn bộ thiệt hại tài sản cho Bên A.

4.2 Nghĩa vụ của Bên A

- Giao con giống đã cai sữa cho Bên B để chăn nuôi.
- Cung cấp thức ăn, thuốc và vắc xin cho Bên B theo từng đợt tương ứng với số lượng con giống Bên B nhận nuôi.
- Cử nhân viên hướng dẫn kỹ thuật về chăn nuôi heo và công việc quản lý xưởng chuồng trại của Bên B để hướng dẫn cho Bên B cách chăm sóc, nuôi gia công heo theo đúng quy cách, tiêu chuẩn của Bên A.
- Cân trọng lượng của heo tại chuồng trước sự chứng kiến của Bên B hoặc đại diện của Bên B ủy quyền. Bên A sẽ giao giấy xác nhận cân trọng lượng heo từng đợt cho Bên B để Bên B làm cơ sở tính tiền nuôi gia công với Bên A.
- Chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển.
- Báo trước cho Bên B về ngày giao và ngày bắt heo.
- Trả tiền nuôi gia công cho Bên B theo Điều 3 của Hợp Đồng này
- Hướng dẫn cho Bên B cách cài đặt và sử dụng ứng dụng SmartFarmPig (sau đây gọi tắt là “Ứng dụng”) cho Bên, cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu của Ứng dụng để Bên B đăng nhập và sử dụng (nếu có).

Điều 5: Quyền và Nghĩa vụ của Bên B

5.1 Quyền của Bên B

- Nhận tiền nuôi gia công theo đúng thỏa thuận trong Điều 3 của Hợp Đồng này.
- Yêu cầu Bên A thực hiện đúng Hợp Đồng.

5.2 Nghĩa vụ của Bên B

- Xây chuồng trại theo thiết kế do Bên A quy định trên phần đất thuộc quyền sử dụng của mình hoặc phần đất đang được sử dụng hợp pháp và cung cấp cho Bên A sơ đồ vị trí chuồng trại.
- Lắp đặt trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi theo yêu cầu của Bên A.
- Bên B có nghĩa vụ nuôi gia công heo cho Bên A theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của Bên A và theo quy định tại Hợp Đồng này.
- Đảm bảo đủ nhân lực để chăn nuôi, chăm sóc, nhận và cân bắt heo.
- Chịu trách nhiệm về đường ra, vào trại thuận tiện cho xe tải của Bên A thực hiện việc vận chuyển.
- Chịu trách nhiệm về nước sạch, điện, máy phát điện dự phòng trong suốt quá trình chăn nuôi heo.
- Chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý, chăm sóc nhằm đảm bảo việc chăn nuôi heo đạt kết quả theo quy định của Bên A.
- Chịu trách nhiệm kiểm con giống và bắt heo thịt; cùng kiểm tra số lượng và cân heo thịt với nhân viên giao nhận của Bên A.
- Kiểm tra và ký nhận con giống, thức ăn, thuốc, vắc xin, dụng cụ và các tài sản khác do Bên A giao.
- Chuẩn bị đầy đủ trang bị thiết bị như điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng có kết nối mạng để phục vụ cho việc thực hiện các chương trình quản lý theo yêu cầu Bên A thông qua ứng dụng.
- Thực hiện đầy đủ các bước trên Ứng dụng theo yêu cầu của Bên A.
- Kiểm tra con giống, thức ăn, thuốc, vắc xin, dụng cụ và các tài sản khác do Bên A giao và ký nhận vào chứng từ giao nhận hoặc xác nhận điện tử trên Ứng dụng theo quy định của Bên A (nếu có), trong đó thể hiện rõ ngày, giờ, số lượng, trọng lượng giao nhận.
- Bên B phải theo dõi và nhập nhật ký chăn nuôi bao gồm: Số lượng heo, cám, thuốc, vắc xin... vào Ứng dụng hoặc Lịch trình chăn nuôi heo theo quy định của Bên A.
- Đối với việc nhập liệu phải kịp thời theo thời gian thực tế phát sinh, số liệu hàng ngày phải được nhập liệu trước 23:59 của ngày hôm đó, sau thời gian này sẽ tính vào ngày hôm sau.
- Lịch trình chăn nuôi heo (nếu có) phải để nơi cố định trong chuồng trại và sẵn sàng cho Bên A đến kiểm tra hay ghi chép hướng dẫn và Bên B phải gửi Lịch trình chăn nuôi heo cho Bên A vào ngày bắt heo cuối cùng của lứa nuôi.

- Thực hiện bảo mật thông tin và chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tên tài khoản, mật khẩu do Bên A đã cung cấp và đảm bảo việc sử dụng ứng dụng phải liên tục không gián đoạn trong suốt thời hạn của Hợp đồng.
- Việc xác nhận giao nhận con giống, thức ăn, thuốc, vắc xin, dụng cụ và các tài sản khác của Bên A thông qua ứng dụng vẫn có giá trị như việc ký nhận trên chứng từ giấy và Bên B có trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại liên quan đến việc quản lý, sử dụng không đúng chức năng, quyền hạn, tính trung thực dẫn đến sai sót trong việc sử dụng hệ thống cũng như làm ảnh hưởng thất thoát tài sản của Bên A.
- Luôn kiểm tra, sửa chữa chuồng trại và đảm bảo các dụng cụ chăn nuôi heo luôn trong tình trạng sạch sẽ sử dụng tốt. Nếu bất kỳ dụng cụ chăn nuôi nào bị hư hỏng thì Bên B phải thay thế ngay bằng kinh phí của mình.
- Làm vệ sinh, sát trùng sạch sẽ chuồng trại cũng như dụng cụ chăn nuôi trước khi nhận con giống và trong suốt thời gian nuôi theo quy định của Bên A.
- Phải quan tâm thường xuyên trong việc cho thức ăn, nước, thuốc, vắc xin và việc chăm sóc heo cũng như theo dõi sức khỏe của heo.
- Phải chăm sóc trông nom, bảo quản những tài sản được Bên A giao, nếu bị mất mát, hư hỏng, hao hụt hoặc không khớp với sổ sách của Bên A thì Bên B đồng ý chịu mức bồi thường theo thông báo số CP_MTI 1203/14 của Bên A đưa ra (được đính kèm theo Hợp Đồng này).
- Tự chịu trách nhiệm đối với các tai nạn lao động xảy ra trong quá trình chăn nuôi heo đối với người lao động của Bên B.
- Kể từ ngày nhận heo vào chuồng đến ngày giao heo lại cho Bên A, Bên B phải ghi nhật ký chăn nuôi bao gồm: Số lượng heo chết, cách cho heo ăn, cách sử dụng thuốc, vắc xin theo biểu mẫu Bên A đã quy định và ghi chép các vấn đề cần thiết khác cho mỗi lần. Thời gian ghi chép từ 18:00 giờ ngày hôm nay đến 18:00 ngày hôm sau được tính 1 ngày. Sổ tay chăn nuôi heo thịt phải để nơi cố định trong chuồng trại và sẵn sàng để cho Bên A đến kiểm tra hay ghi chép chỉ dẫn và Bên B phải gửi sổ tay chăn nuôi heo thịt cho Bên A vào ngày bắt heo cuối cùng của lứa nuôi.
- Bên B chỉ được sử dụng con giống, thức ăn, thuốc, vắc xin mà Bên A giao cho. Nghiêm cấm tuyệt đối việc pha trộn thức ăn hoặc sử dụng thức ăn, thuốc, vắc xin khác không phải của Bên A giao cho trong việc chăn nuôi
- Phải trả lại cho Bên A theo từng đợt hoặc khi kết thúc lứa nuôi bao gồm:
 - + Thức ăn, thuốc, vắc xin chưa sử dụng hết
 - + Vỏ bao đựng thức ăn, chai đựng vắc xin, thuốc khi đã sử dụng hết. Trong trường hợp Bên B không trả lại cho Bên A thì Bên B bồi thường cho Bên A số tiền có giá trị bằng với giá trị của bao thức ăn nguyên, vắc xin và thuốc theo giá thông báo của Bên A tại thời điểm phát sinh.
- Trường hợp Bên B muốn mua lại vỏ bao thì phải có sự đồng ý của Bên A, giá bán 500 đồng/ bao
- Trường hợp Bên B sửa chữa, tẩy xóa chứng từ, báo cáo hoặc thông báo Cho bên A sửa chữa trên ứng dụng (nếu có) sẽ phạt 500.000 đồng/lỗi, tùy theo quyết định của Bên A.
- Trường hợp dịch bệnh xảy ra trong trại hoặc các vùng lân cận gây cho heo bị bệnh chết thì Bên B phải báo ngay cho Bên A biết, chậm nhất không quá 24 giờ từ khi xảy ra sự việc và giữ lại xác heo chết để Bên A kiểm tra. Sau 24 giờ kể từ thời điểm gửi thông báo mà nhân viên Bên A chưa đến kiểm tra thì Bên B được quyền đem xác heo đi tiêu hủy theo hướng dẫn của Bên A và theo quy định của cơ quan chức năng. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, Bên B phải giữ lại phần tai của xác heo để Bên A kiểm tra.
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhân viên của Bên A trong quá trình chăn nuôi được cử đến kiểm tra và hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi heo từ cách chăm sóc, cách phòng và trị bệnh. Bên B phải chấp hành nghiêm ngặt những ý kiến, đề nghị của nhân viên của Bên A trong suốt quá trình chăn nuôi heo.
- Có trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh về thân thể và tài sản của nhân viên cũng như đối tác của Bên A trong chuồng trại và khu vực lân cận chuồng trại thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng của Bên B
- Bên B không được nuôi bất kỳ loại con giống khác trong chuồng trại và khu vực lân cận chuồng trại thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng của Bên B.
- Chịu trách nhiệm về các loại thuế phát sinh từ Hợp Đồng này theo quy định của pháp luật.
- Chịu trách nhiệm về các loại giấy phép liên quan: xây dựng, môi trường, xả thải, sử dụng tài nguyên, thú y cũng như các giấy tờ phát sinh khác mà cơ quan chức năng có thẩm quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật.
- Tuyệt đối không đưa tài sản của Bên A ra khỏi trại khi chưa được sự đồng ý của Bên A. Nếu Bên B cố tình vi phạm thì Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị tài sản theo giá do Bên A đưa ra
- Đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về vệ sinh môi trường và theo hướng dẫn của Bên A trong quá trình chăn nuôi.

- Bên B không được phép chuyển giao, chuyển nhượng Hợp Đồng này hoặc bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào của Bên B theo quy định của Hợp Đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào mà chưa có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.

Điều 6: Thế chấp (Áp dụng Không áp dụng)

- Để bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm của Bên nhận gia công đối với Bên đặt gia công theo quy định của Hợp đồng này, Bên nhận gia công đồng ý thế chấp, và Bên đặt gia công đồng ý nhận thế chấp, quyền sử dụng (kèm theo tài sản trên đất (nếu có)) của mảnh đất m², thuộc tờ bản đồ, thửa số....., tại địa chỉ: theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: do cấp ngày (bản sao đính kèm Hợp đồng này).
- Thời hạn thế chấp: Việc thế chấp tại quy định này có thời hạn cho đến khi nghĩa vụ được bảo đảm bằng việc thế chấp này chấm dứt.
- Trong thời hạn thế chấp, Bên nhận gia công sẽ giao bản chính của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho Bên đặt gia công giữ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ được Bên đặt gia công hoàn trả cho Bên nhận gia công sau khi Hợp đồng này chấm dứt và Bên nhận gia công đã hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với Bên đặt gia công.
- Bên nhận gia công có trách nhiệm hoàn thành các thủ tục đăng ký việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (nếu có) nêu trên với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định pháp luật.

Điều 7: Chấm dứt hợp đồng

- Bên A có quyền nhắc nhở hoặc chấm dứt Hợp Đồng ngay mà không cần thông báo trước cho Bên B trong các trường hợp Bên B:
 - +Chăn nuôi không có hiệu quả.
 - +Thiếu sự chăm sóc heo.
 - +Gian lận tài sản của Bên A như heo, thức ăn, thuốc, vaccine ...
 - +Đưa heo ngoài vào nuôi trong chuồng trại hoặc khu vực lân cận chuồng trại thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng của Bên B.
 - +Khu vực chăn nuôi có xảy ra dịch bệnh.
 - +Vi phạm bất kỳ điều khoản của Hợp Đồng.
- Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm của Bên B, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng và yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại thực tế xảy ra.

Điều 8: Xử lý tài sản

- Khi hết hạn Hợp Đồng hoặc Hợp Đồng bị chấm dứt theo quyết định của Bên A được quy định tại Điều 7 của Hợp Đồng, Bên A có quyền lấy lại toàn bộ heo, thức ăn, thuốc, vắc xin và bất kỳ tài sản nào do Bên A đưa vào chuồng trại. Trong trường hợp số lượng thực tế tại thời điểm lấy lại ít hơn so với số lượng được ghi nhận tại sổ sách thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B bồi thường cho toàn bộ số lượng bị thiếu. Bên B phải phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A di dời tài sản ra khỏi khu vực chuồng trại.
- Trong thời gian chưa di chuyển kịp đàn heo ra khỏi chuồng trại, Bên A có quyền yêu cầu và Bên B phải chấp nhận yêu cầu của Bên A để tiếp tục nuôi gia công heo. Trong thời gian này, mỗi ngày Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo giá thỏa thuận gồm chi phí tiền điện và tiền công nuôi. Số tiền này sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B sau khi Bên A đưa toàn bộ heo, tài sản của Bên A ra khỏi chuồng trại. Số tiền thanh toán sẽ được tính trên cơ sở mức tiền nuôi gia công bình quân theo ngày của thu nhập bình quân mỗi ngày của các lứa heo mà Bên B đã nuôi nhân với số ngày cụ thể mà Bên A lưu heo, tài sản lại chuồng trại Bên B.
- Bên A có nghĩa vụ hoàn tất các nghĩa vụ tài chính đối với Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày Hợp Đồng chấm dứt. Bên A có quyền cản trở bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B đang nợ của Bên A trước khi thực hiện thanh toán.

Điều 9: Tranh chấp và thủ tục giải quyết


- Hai Bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ và kết quả thực hiện Hợp Đồng. Nếu có tranh chấp phát sinh các Bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng, đảm bảo các Bên cùng có lợi (có lập biên bản lưu). Hình thức thông báo thông qua hoặc trao đổi trực tiếp, hoặc văn bản, hoặc bưu điện hoặc tin nhắn điện thoại.
- Trường hợp có tranh chấp hai Bên không tự giải quyết được thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Mọi chi phí về kiểm tra, xác minh và án phí do Bên thua chịu.

Điều 10: Cam kết chung

- Hai Bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã qui định trong Hợp Đồng.
- Điều lệ thanh toán tiền gia công nuôi heo thịt và Thông báo số CP_ MT1 1203/14 là những bộ phận không thể tách rời với Hợp Đồng này.
- Trong trường hợp quy định pháp luật có thay đổi liên quan đến các nội dung của Hợp Đồng (bao gồm, nhưng không giới hạn, trường hợp thay đổi quy định về thuế suất thuế giá trị gia tăng) thì các điều khoản có liên quan của Hợp Đồng sẽ được tự động cập nhật theo quy định mới của pháp luật theo thời gian hiệu lực của quy định pháp luật đó, mà không cần các bên phải thỏa thuận, ký kết phụ lục điều chỉnh.
- Hợp Đồng này được lập thành 03 (ba) bản, có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ hai (02) bản, Bên B giữ một (01) bản để thực hiện.

Bên A

JIRAWIT RACHATANAN

Bên B

VÕ ĐỨC THU

Xác nhận của địa phương

Tại UBND xã Cam Chính.....giờ..... phút.....
 Tôi..... LàCT UBND xã Cam Chính,
 huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.
 Ông/bà..... Võ Đức Thu..... CMND/CCCD: 05076070270
 Cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ,
 văn bản và đã ký/điểm chỉ vào giấy tờ, văn bản này trước mặt
 Ông/bà..... Nguyễn Văn Hà..... là người tiếp nhận hồ sơ.
 Số chứng thực..... 158..... Quyền số..... 07..... - SCT/CK,ĐC
 Ngày..... 05..... tháng..... 04..... năm 2023.....
 Người đăng ký..... Xác nhận của UBND xã Cam Chính

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực: 158..... quyền số: 07..... - SCT/BS

Ngày 05 -05- 2023
 Người thực hiện chứng thực ký tên

UBND XÃ CAM CHÍNH
CHỦ TỊCH

 Nguyễn Văn Hà


 Lê Quang Thành



ĐIỀU LỆ THANH TOÁN TIỀN GIA CÔNG NUÔI HEO THỊT

KHU VỰC: MIỀN TRUNG (C1,C2,C3), MIỀN ĐÔNG NAM BỘ (S1,S2,S3)

HIỆU LỰC: CHO CHUỒNG HEO, KẾT THÚC LỬA TỪ 01/06/2020.

Trả tiền gia công dựa vào trọng lượng tăng trọng (Kg) x mức tiền (đồng).
Căn cứ theo các chỉ tiêu sau:

1. Tiền phí gia công:

Mô hình	Mức tiền (đồng)
Chuồng hở (Open)	1,350
Chuồng lạnh (Evap)	1,450

2. Tiền phí gia công theo tỷ lệ heo chết:

Tỷ lệ heo chết (%)		Mức tiền (đồng)
Trọng lượng bình quân heo nhập $\geq 4\text{kg/con}$	Trọng lượng bình quân heo nhập $\geq 20\text{kg/con}$	
≤ 2.49	≤ 1.49	300
2.50 – 3.00	1.50 – 2.00	270
3.01 – 3.50	2.01 – 2.50	240
3.51 – 4.00	2.51 – 3.00	210
4.01 – 4.50	3.01 – 3.50	180
4.51 – 5.00	3.51 – 4.00	150
5.01 – 6.00	4.01 – 5.00	120
≥ 6.01	≥ 5.01	0

3. Tiền phí gia công theo Diff FCR. (*):

Diff FCR	Mức tiền (đồng)
≥ 0.201	-300
0.200 – 0.151	-200
0.150 – 0.101	-150
0.100 – 0.051	-65
0.050 – 0.000	0
(0.001) – (0.050)	150
(0.051) – (0.100)	250
(0.101) – (0.150)	350
(0.151) – (0.200)	450
(0.201) – (0.250)	550
(0.251) – (0.300)	650
(0.301) – (0.350)	750
$\leq (0.351)$	850

4. Tiền phòng dịch: 130 đồng.

5. Tiền tuân thủ quy định nuôi gia công (Theo bảng điểm quy định của công ty). Mức tiền được xác định bằng công thức sau:

$$\frac{\text{Điểm quản lý} \times 200 \text{ đồng}}{100}$$

100

Tiền tuân thủ quy định nuôi gia công không được trả trong trường hợp sau:

- Diff FCR ≥ 0 .
- Chủ trại không để cho heo nhện đôi khi xuất chuồng.

6. Tiền điện và hệ thống làm mát cho chuồng lạnh (EVAP): 400 đồng.

7. Tiền phí gia công bổ sung theo thời gian xây dựng trại:

Thời gian xây dựng	Mức tiền (đồng)	
	Chuồng hở (Open)	Chuồng lạnh (EVAP)
Từ 01/09/2011 trở đi	600	700
Từ 01/03/2011 - 31/08/2011	450	500
Từ 01/07/2008 - 28/02/2011	300	300
Từ 01/11/2007 - 30/06/2008	200	0

8. Trừ tiền vỏ bao cám: 500 đồng/vỏ bao theo số lượng bao cám sử dụng trong lứa nuôi trường hợp công ty không thu vỏ bao về.

Ghi chú: (*)Diff FCR là chênh lệch giữa tỷ lệ tiêu tốn thức ăn thực tế so với tiêu chuẩn.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

JIRAWIT RACHATANAN

Xác nhận đồng ý của Bên B

AS

VỎ ĐỨC THU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN RÁC THẢI NGUY HẠI TRONG CHĂN NUÔI

Hôm nay, ngày 31 tháng 5 năm 2023
Tại cơ sở chăn nuôi Trại nuôi lợn
Chúng tôi gồm :

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ CHĂN NUÔI:

- Ông (bà) : Nguyễn Thị Kiều Nhi Chức vụ: Quản lý
- Ông (bà) : Chức vụ:

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

- Ông (bà) : Phan Lê Quang Chức vụ: Đại sứ quản lý
- Ông (bà) : Chức vụ:

Đã tiến hành kiểm kê, giao nhận số rác thải nguy hại trong chăn nuôi như sau.

TT	DANH MỤC	Số lượng	Ghi chú
1	<u>Vitamin gel</u>	<u>5</u>	
2	<u>Tylogel</u>	<u>20</u>	
3	<u>Amoxicillin</u>	<u>15</u>	
4	<u>Hydroxy</u>	<u>25</u>	
5	<u>Apa zim</u>	<u>20</u>	
6	<u>floxat</u>	<u>15</u>	
7	<u>Nox flox</u>	<u>5</u>	
8	<u>Ticrel line</u>	<u>15</u>	

Hai bên cùng kiểm kê, giao nhận và thống nhất số liệu đầy đủ như trong biên bản. Số rác thải trên được đưa về Công ty .. CPVN Chi nhánh Quảng Trị để tiêu hủy đúng theo quy định. Biên bản được lập thành 02 bản; Công ty .. CP Việt Nam giữ 01 bản, chủ cơ sở chăn nuôi giữ 01 bản để lưu vào hồ sơ.

ĐẠI DIỆN SỞ CHĂN NUÔI **ĐẠI DIỆN CÔNG TY**

Nhi
Nguyễn Thị Kiều Nhi

Quang
Phan Lê Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v vận chuyển rác

- Căn cứ vào Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

- Căn cứ vào Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 20/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Quy định giá tối đa về dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của 2 bên

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2023, tại xã Cam Chính

Bên A: HỘ CHĂN NUÔI ÔNG TRƯƠNG VĂN LÂN

- Đại diện: Ông Trương Văn Lân
- Địa chỉ: Thôn Đốc Kinh, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị
- Số điện thoại: 0982872250

Bên B: TỔ THU GOM RÁC THÔN AN TRUNG

- Đại diện: Hoàng Ngọc Lai
- Địa chỉ: Thôn An Trung, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị
- Số điện thoại: 0946913891

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

- Bên B sẽ nhận khoán công việc vận chuyển rác tại Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ.
- Thời gian thực hiện công việc bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2023
- Trách nhiệm của mỗi bên

1. Trách nhiệm của bên B

- + Bên B có trách nhiệm tiến hành đến thu gom và vận chuyển rác đi đổ cho bên A với tần suất là 2 lần/tuần.
- + Trong quá trình vận chuyển rác thải, nếu có sự cố xe hư hoặc chưa tiến hành thu gom rác được thì bên B phải có trách nhiệm thông báo cho bên A biết và bên B phải cố gắng để sớm có phương án giải quyết.


2. Trách nhiệm của bên A

- + Bên A có trách nhiệm tập trung rác thải tại thùng rác tự trang bị của Trang trại để bên B tiến hành vận chuyển đi đổ
- + Sau khi hoàn thành công việc, tiến hành nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, bên A có trách nhiệm thanh toán đủ số tiền cho bên B như đã thỏa thuận
- Đơn giá thống nhất nhận khoán công việc: 150.000đ / tháng
(Bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng trên tháng)
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt / Chuyển khoản


Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký, bên nào vi phạm sẽ xử lý theo quy chế hợp đồng kinh tế đã quy định theo luật định. Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A


Trương Văn Lân

ĐẠI DIỆN BÊN B


Hoàng Ngọc Lai



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ & VẬT TƯ CHĂN NUÔI TRÍ NHÂN

Mã số thuế (VAT code): 0314366710

Địa chỉ (Address): 23/2 - Đường số 51, Phường 14, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (Tel): 0933 023 566 - Hotline: 08 9834 3566 - www.thietbivattuchannuoi.com

Số tài khoản: (A/C No.): 060149321716 Ngân Hàng Sacombank - PGD: Phan Huy Ích, HCM

BIÊN BẢN GIAO HÀNG

TRẠI HEO : TRUONG VAN LÂN 0982872250

Địa chỉ: thôn Đoc Kinh - Cam Chính - Cam Lộ - Quảng Trị

STT	HẠNG MỤC DIỄN GIẢI HÀNG HÓA	SL	ĐVT	GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Máy ép phân heo RTS 3 pha . mô tơ ép 4 kW công suất thiết kế 10 - 12 m ³ /h .. Mô tơ hút (bơm chìm 1.5 HP) 3pha.. Xuất xứ: nhập khẩu Trung Quốc .. và phụ kiện linh kiện hoàn chỉnh...	1	hệ thống	75.000.000	75.000.000
Tổng tiền					75.000.000

Bảy mươi lăm triệu đồng chẵn

NGƯỜI GIAO HÀNG

Ngày 09 tháng 08 năm 2023



Nguyễn Văn Dũng

Số: 2023/KQTN-D0821-K77

Ban hành lần: 01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Customer : Công ty CP Phát triển Công nghệ Môi trường miền Trung
- Địa điểm/ Address : Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, huyện Cam Lộ
- Tên mẫu/ Name of sample : Không Khí
- Mã mẫu/ Sample code : KK465/21082023
- Số lượng/ Quantity : 02
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 21/08/2023
- Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 28/08/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Test method	Kết quả thử nghiệm/ Result		QCVN 05: 2013/BTNMT
				K1	K2	
1	Bụi lơ lửng	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,177	0,107	0,3
2	Độ ồn	dbA	TCVN 7878-2:2018	62,9	69,6	70 ⁽¹⁾
3	NH ₃	mg/m ³	TCVN 5293:1995	0,075	0,195	0,2 ⁽¹⁾
4	H ₂ S	mg/m ³	MASA 701	0,018	0,040	0,042 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu/Sampling location:

+ K1: Tại cổng chính ra vào trang trại. Toạ độ: X: 1.848.714; Y: 574.419;

+ K2: Tại khu vực phía Tây của trang trại (điểm cuối chuồng nuôi nhốt). Toạ độ: X: 1.848.718; Y: 574.430;

- Quy chuẩn so sánh/Comparative standards:

+ QCVN 05: 2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ);

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ ⁽²⁾ QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Head of Laboratory

Trương Văn Dũng

Quảng Bình, ngày 28 tháng 08 năm 2023

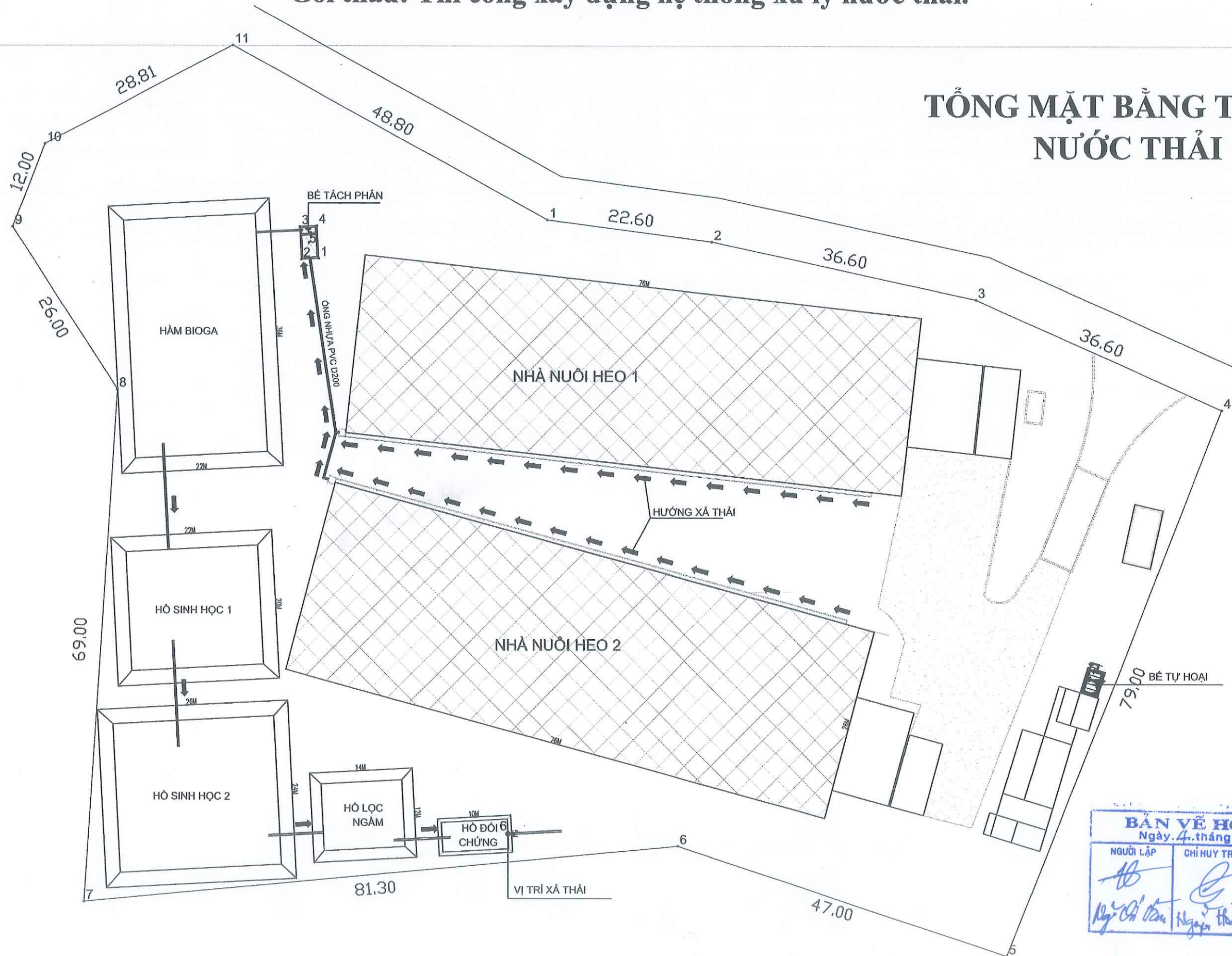


GIÁM ĐỐC
Director

Trần Thị Ngọc Bé

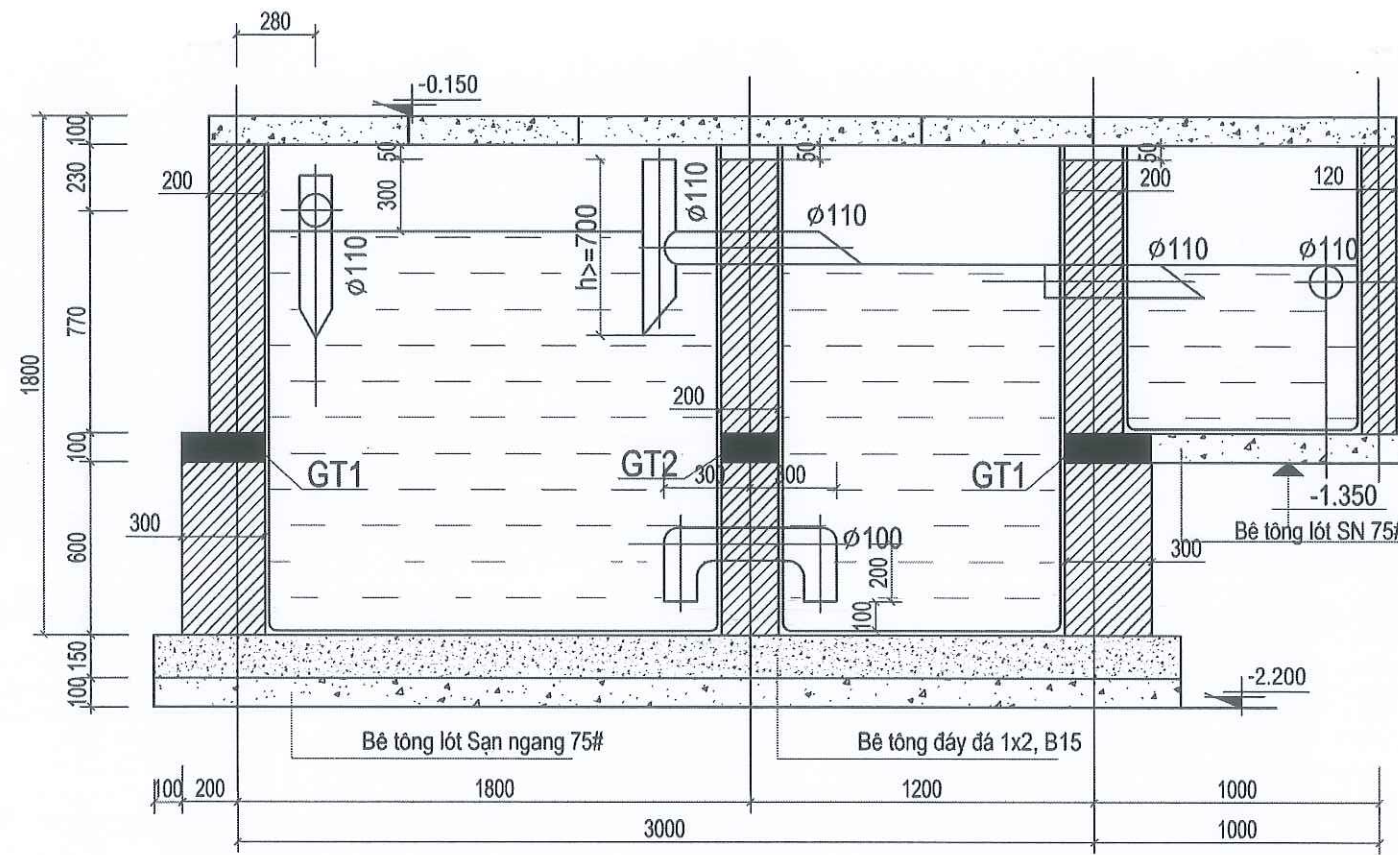
Dự án: Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ
Gói thầu: Thi công xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

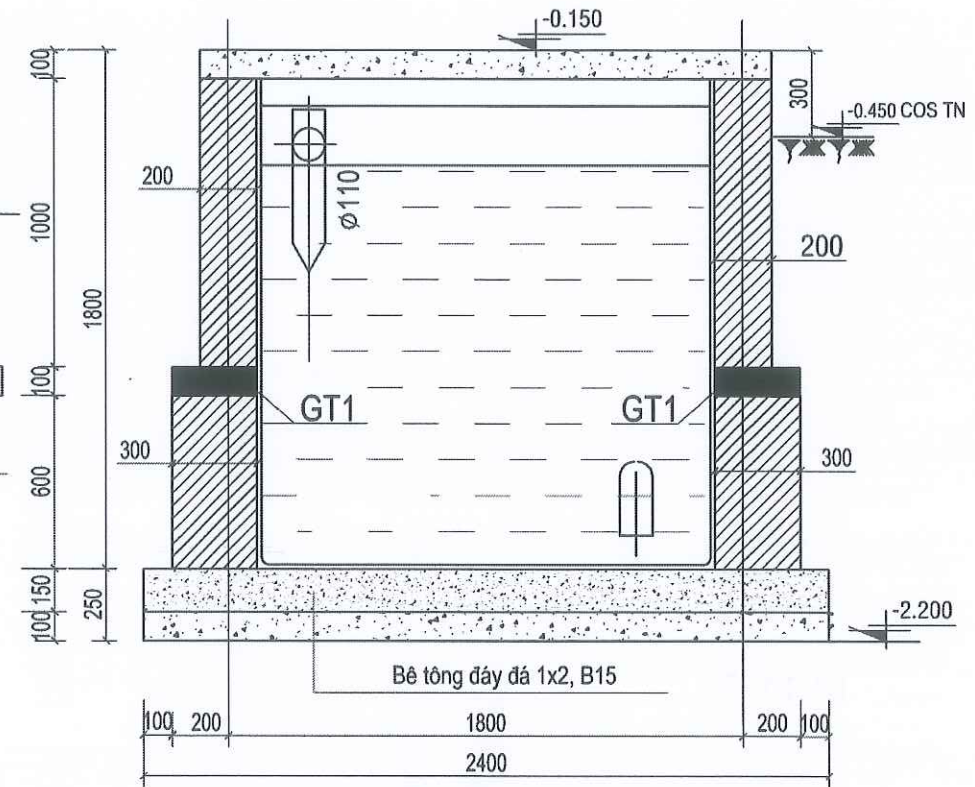


BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 4 tháng 6 năm 2022

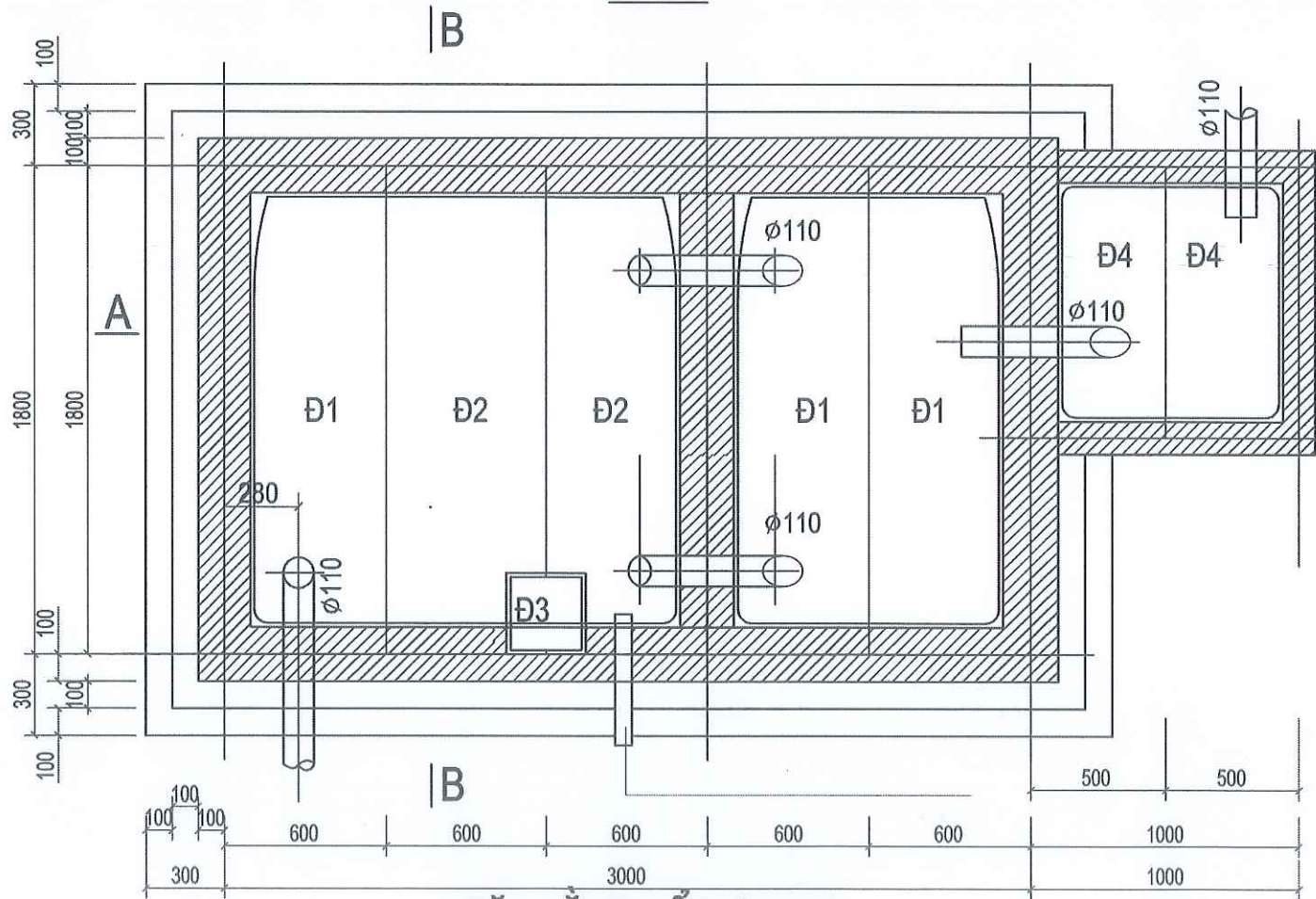
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
Nguyễn Chí Thành	Nguyễn Thái Sơn	Trần Văn Sơn



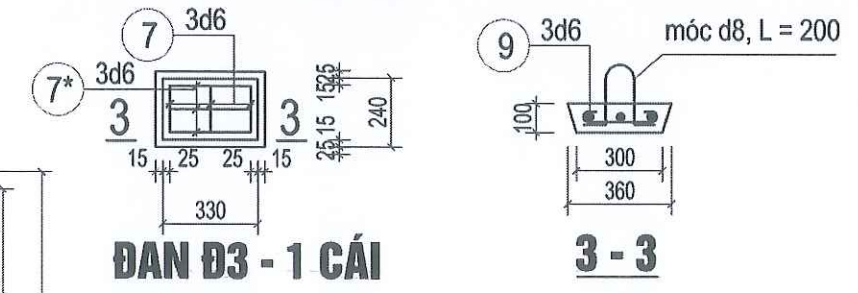
A - A



B - B

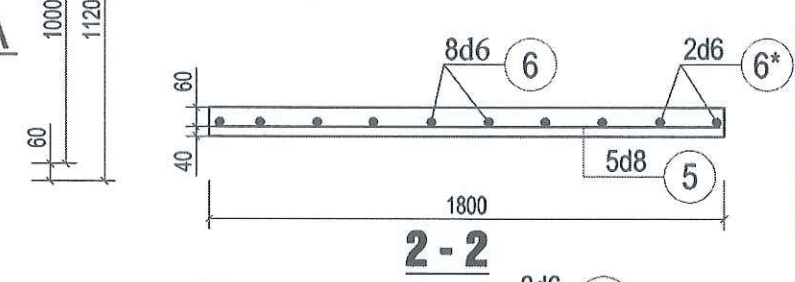


MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI

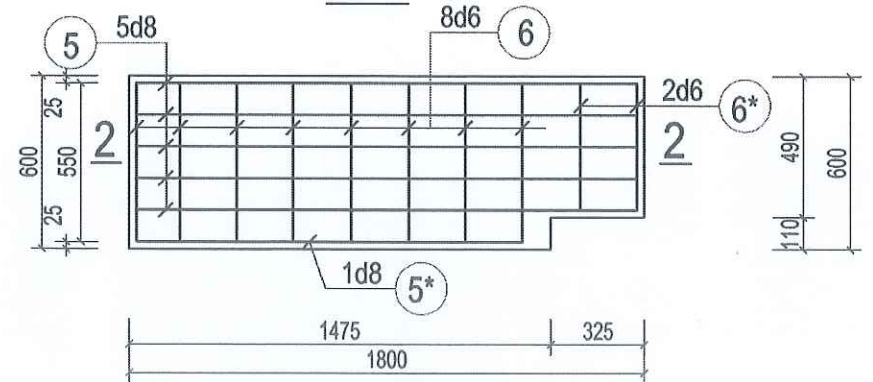


ĐAN Đ3 - 1 CÁI

3 - 3



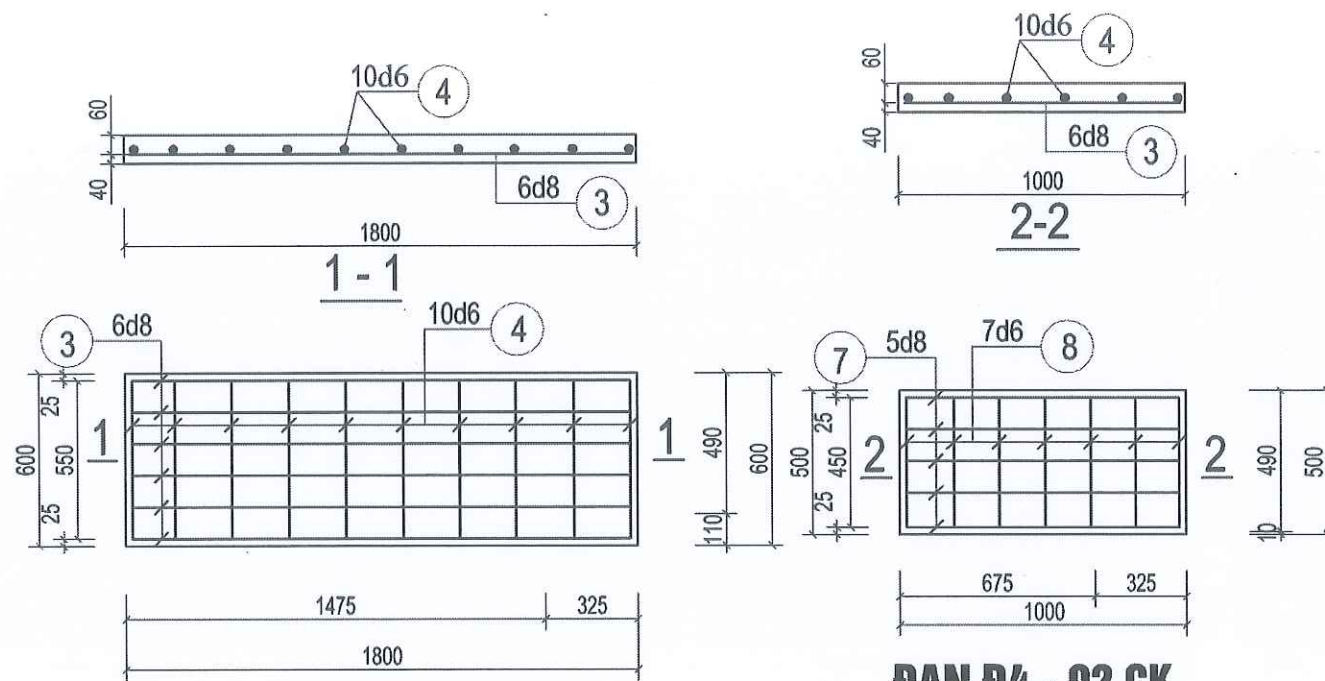
2 - 2



ĐAN Đ2 - 02 CK

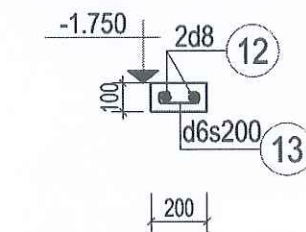
BAN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 14 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>



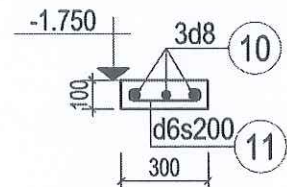
ĐAN Đ1 - 03 CK

ĐAN Đ4 - 02 CK



GIANG GT2

(1 cái - L = 1600)



GIANG GT1

(1 cái - L = 9600)

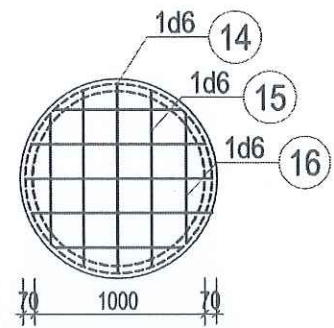
BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)			
					1 C.KIỆN	T.BỘ					
Đan 1	Số lượng: 3	3	50	1750	50	8	1850	6	18	33.3	13.14
		4	50	550	50	6	650	10	30	19.5	4.33
Đan 2	Số lượng: 2	5	50	1750	50	8	1850	5	10	18.5	7.30
		5*	50	1400	50	8	1500	1	2	3	1.18
		6	50	550	50	6	650	8	16	10.4	2.31
		6*	50	440	50	6	540	2	4	2.16	0.48
Đan 3	Số lượng: 1	7	50	350	50	6	450	3	3	1.35	0.30
		7*	50	250	50	6	350	3	3	1.05	0.23
		M	50	70	150	70	50	6	590	1	1
Đan 4	Số lượng: 2	8	50	950	50	8	1050	5	10	10.5	4.14
		9	50	550	50	6	650	7	14	9.1	2.02
Giăng GT1	Số lượng: 1	10	1800	3000	150	8	9900	3	3	29.7	11.72
		11	50	250	50	6	350	50	50	17.5	3.88
Giăng GT2	Số lượng: 1	12	50	1800	50	8	1900	2	2	3.8	1.50
		13	50	150	50	6	250	10	10	2.5	0.55
TẤM ĐAN GT	Số lượng: 1	14		1100		6	1100	2	2	2.2	0.49
		15		610		6	610	4	4	2.44	0.54
		16		450		6	450	4	4	1.8	0.40

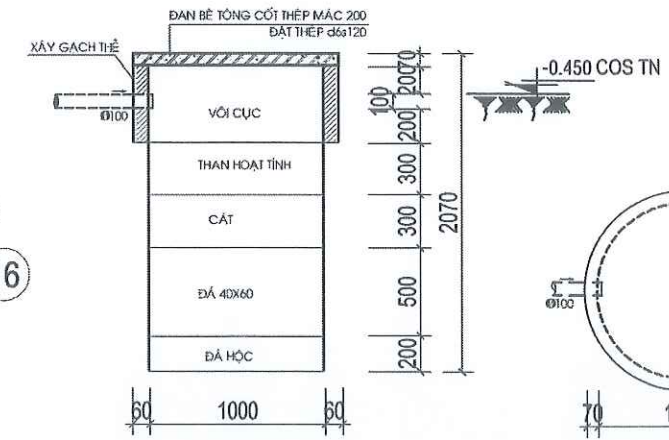
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 6$ = 15.66 kg; Chiều dài = 70.59 mét
 - Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 8$ = 38.98 kg; Chiều dài = 98.8 mét

GHI CHÚ:

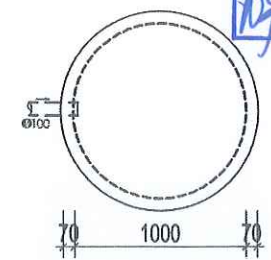
- ✦ BÊ TÔNG B15, ĐÁ 1x2 CM
- ✦ CỐT THÉP CÓ $d < 10$ LOẠI AI, $R_s = 225$ MPa;
- ✦ CỐT THÉP CÓ $d \geq 10$ LOẠI AII, $R_s = 280$ MPa;
- ✦ ĐẤT NỀN ĐẦM KỸ, $K = 0.90$
- ✦ THÀNH XÂY BLO M7,5; VỮA XM M7,5; NO MẠCH
- ✦ TRÁT TRONG VỮA XM M7,5; DÀY 30MM, CHIA THÀNH 3 LỚP.
TRÁT VÁT VÊ TRÒN GÓC ĐÁY, THÀNH LÁNG ĐÁNH MÀU XM NGUYÊN CHẤT THẬT NHẪN, BẢO DƯỠNG ĐÚNG YÊU CẦU KỸ THUẬT.
TRÁT NGOÀI VỮA XM M7,5#, DÀY 15MM.
- ✦ ĐAN Đ3 CÓ THỂ THẢO LẬP ĐƯỢC KHI HÚT BỂ.
- ✦ ỚNG THOÁT HƠI BỂ TỰ HOẠI DÙNG P.V.C $\phi = 34$, CHO RA KHỎI MÁI 1000.
- ✦ PHẦN BÊ TÔNG VỮA TRÁT LÁNG TRONG DÙNG XI MĂNG BỈM SƠN PC30, CÒN LẠI DÙNG XI MĂNG ĐỊA PHƯƠNG PC30.



THÉP TẤM ĐAN GIẾNG THẮM GT



M.C GIẾNG THẮM



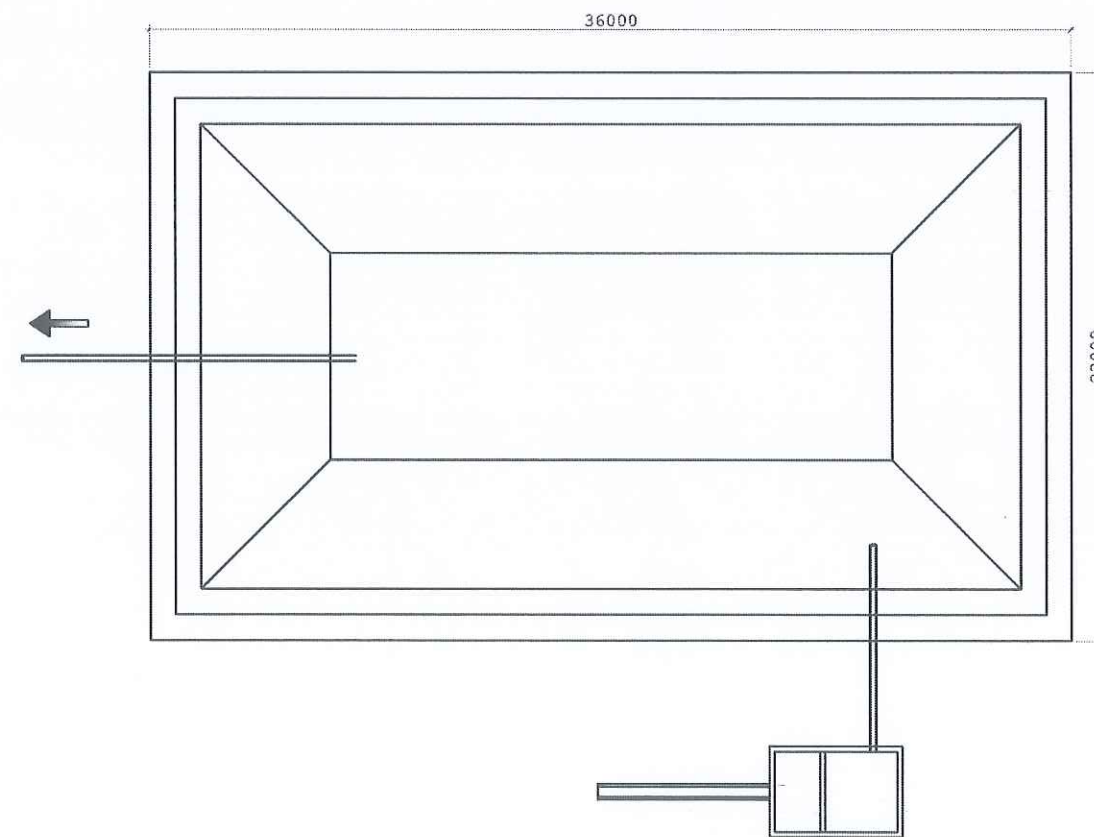
M. B GIẾNG THẮM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày: 04 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HÀM BIOGAS: (dài:rộng:sâu)
36m:22m:5m



BỂ TÁCH PHÂN: 4.2m x 2.2m x 3m

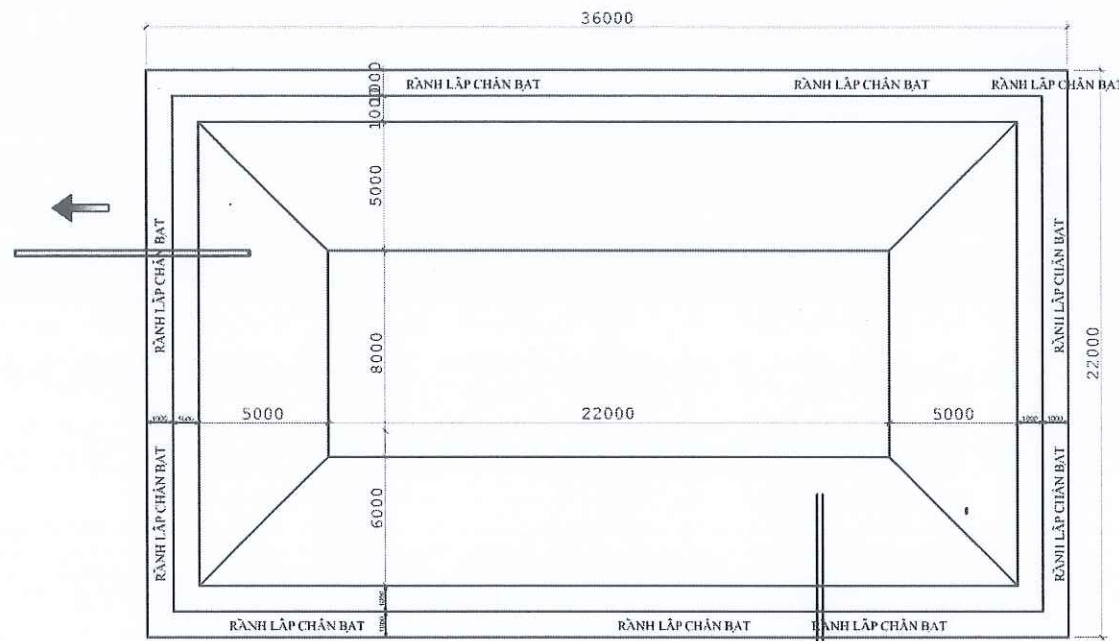
MẶT BẰNG ĐÀO HỒ BIOGAS

Ghi chú:

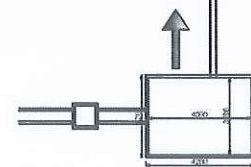
- Bờ hồ tạo độ dốc 1:1
- Rãnh lắp chân bạt: 1m:1m
- Ống dẫn nước thải sang ao xử lý, sân phơi phân : ống nhựa Bình Minh 220mm
- Ống công dẫn nước thải tới hầm biogas: ống bê tông cốt thép đường kính lòng ống 400mm tạo độ dốc 1% về phía hầm biogas.
- Hồ gas: 1m:1m : xây gạch tô 2 mặt, có nắp bằng bê tông cốt thép. các điểm giao nhau có một hồ gas, các đường dẫn 15 m một hồ.
- Đáy hồ, bờ hồ, mặt trên phủ bạt KPI dày 2mm.
- ống cấp nước thải vào hồ biogas, dẫn nước thải sang ao xử lý, ống lây phân, ống gom nước thải từ sân phơi phân sang hồ xử lý số 1 dùng ống nhựa Bình Minh ϕ 220mm.

BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày . 4 . tháng . 6 . năm 2022		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Hoài</i>	<i>Nguyễn Đức Sơn</i>	<i>Trương Văn Lưu</i>

Dự án: Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ
Gói thầu: Thi công xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

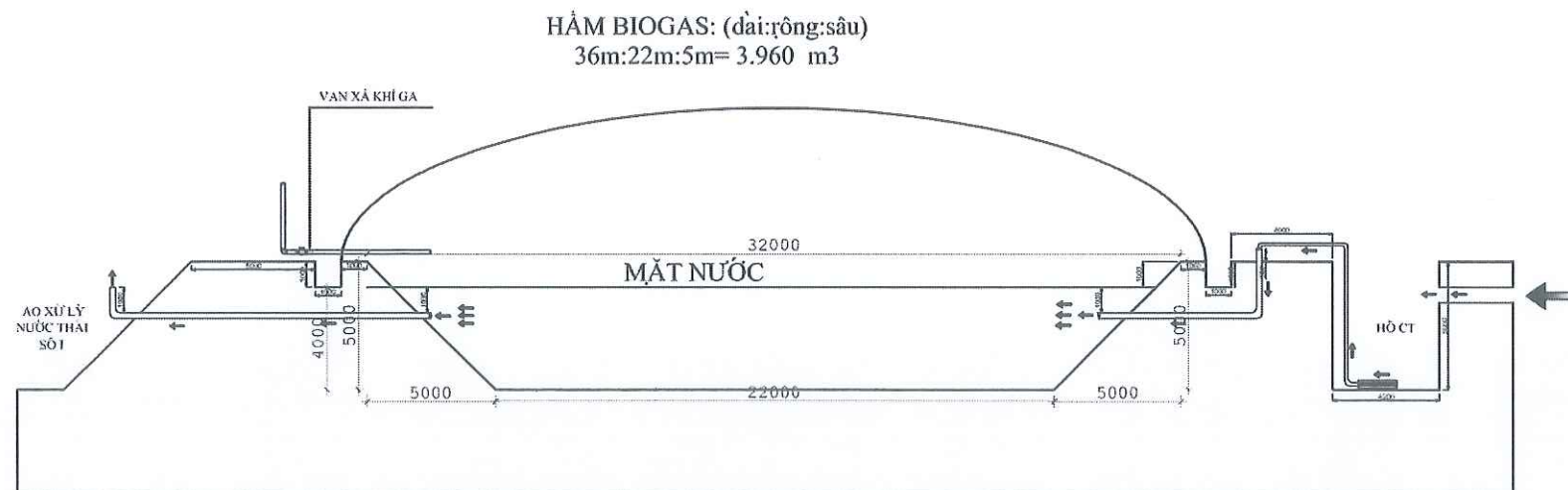


HẦM BIOGAS: (dài:rộng:sâu)
 36m:22m:5m= 3.960 m³

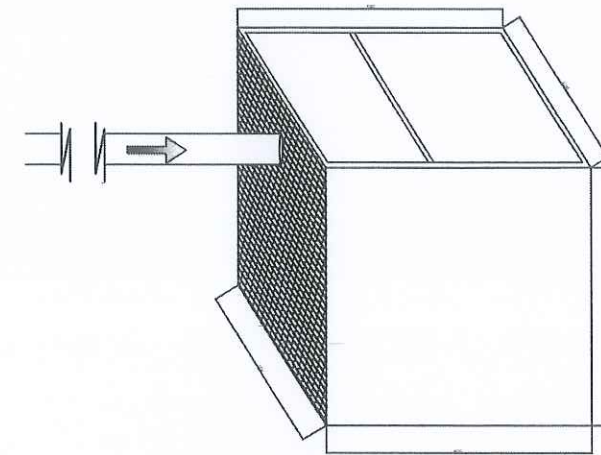


HỒ CT: 4m x 3m x 5m = 60m³

MẶT BẰNG ĐÀO HỒ BIOGAS



MẶT CẮT DỌC HỒ BIOGAS

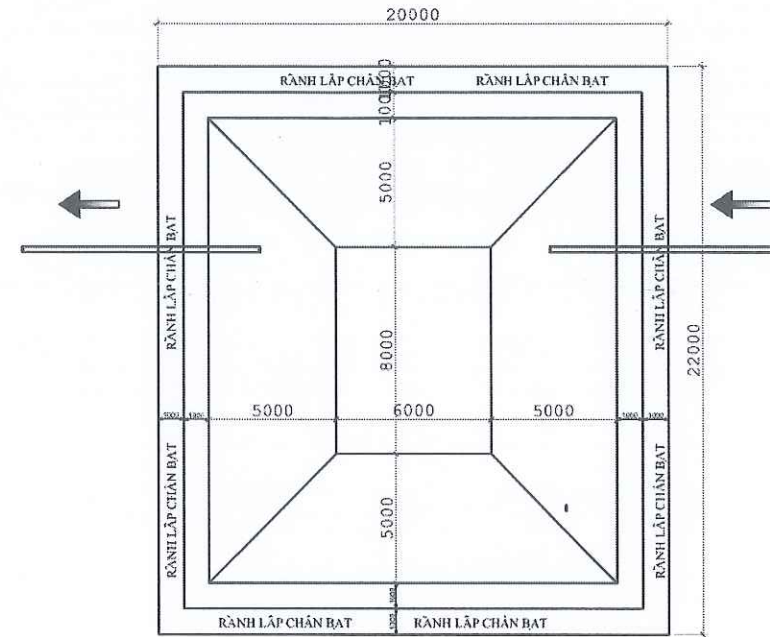


HỒ CT: 4.2m x 2.2m x 3.0m
 - Đáy bê tông cốt thép dày 150mm, có đà rãnh 200x200mm.
 - Tường xây gạch thẻ dày 20cm, tô 2 mặt, quét hồ dầu chống thấm.
 - Mặt trên có nắp dẫy bằng bê tông cốt thép.

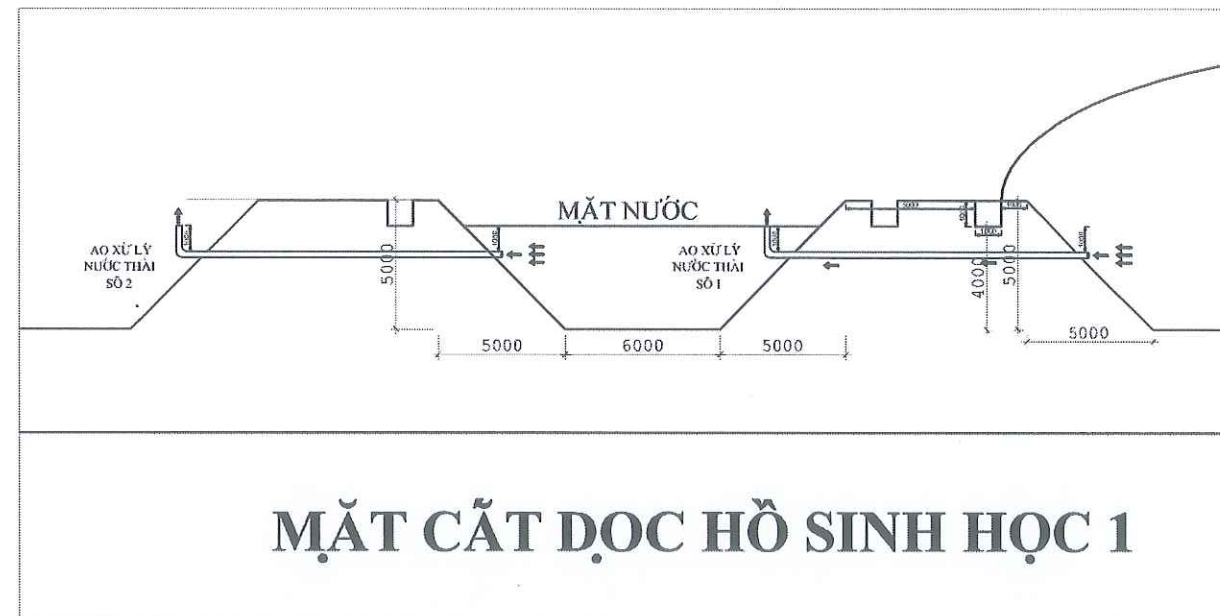
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 4 tháng 0 năm 2022		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
<i>[Signature]</i>		

Ghi chú:
 - Bờ hồ tạo độ dốc 1:1
 - Rãnh lấp chân bát: 1m:1m
 - Ống dẫn nước thải sang ao xử lý, sân phơi phân: ống nhựa Bình Minh 220mm
 - Ống công dẫn nước thải tới hầm biogas: ống bê tông cốt thép đường kính lòng ống 400mm tạo độ dốc 1% về phía hầm biogas.
 - Hồ gas: 1m:1m : xây gạch tô 2 mặt, có nắp bằng bê tông cốt thép. các điểm giao nhau có một hồ gas, các đường dẫn 15 m một hồ.
 - Đáy hồ, bờ hồ, mặt trên phủ bạt KPI dày 2mm.
 - ống cấp nước thải vào hồ biogas, dẫn nước thải sang ao xử lý, ống lấy phân, ống gom nước thải từ sân phơi phân sang hồ xử lý số 1 dùng ống nhựa Bình Minh φ 220mm.

Dự án: Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ
Gói thầu: Thi công xây dựng hệ thống xử lý nước thải.



MẶT BẰNG ĐÀO HỒ SINH HỌC 1



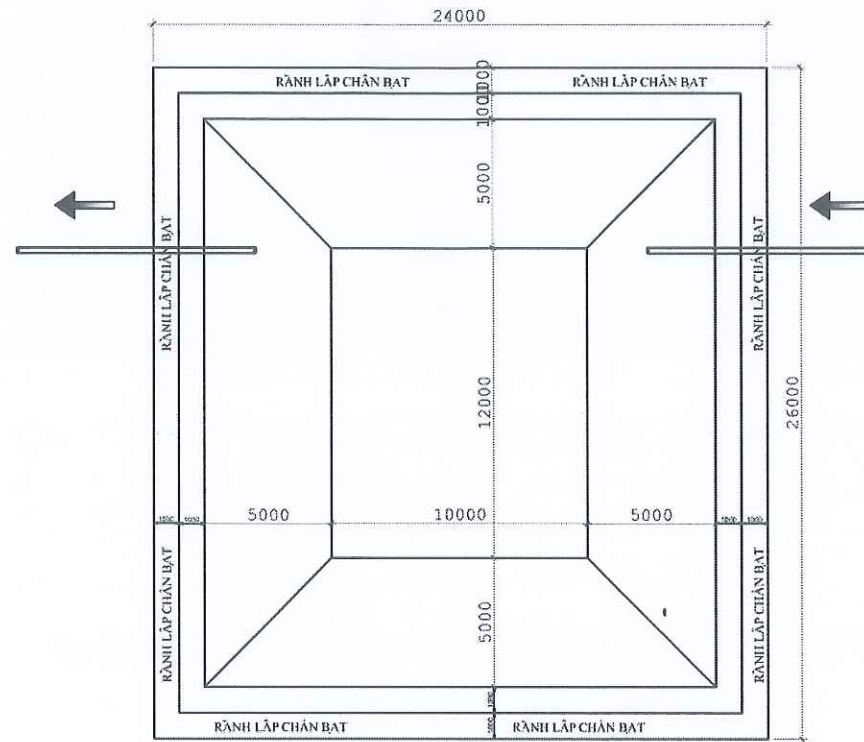
MẶT CẮT DỌC HỒ SINH HỌC 1

BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 4 tháng 6 năm 2022		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>tb</i>	<i>đ</i>	<i>Ual²</i>
<i>Ngô Chí Thiện</i>	<i>Ngô Hoàng Sơn</i>	<i>Trương Văn Lâm</i>

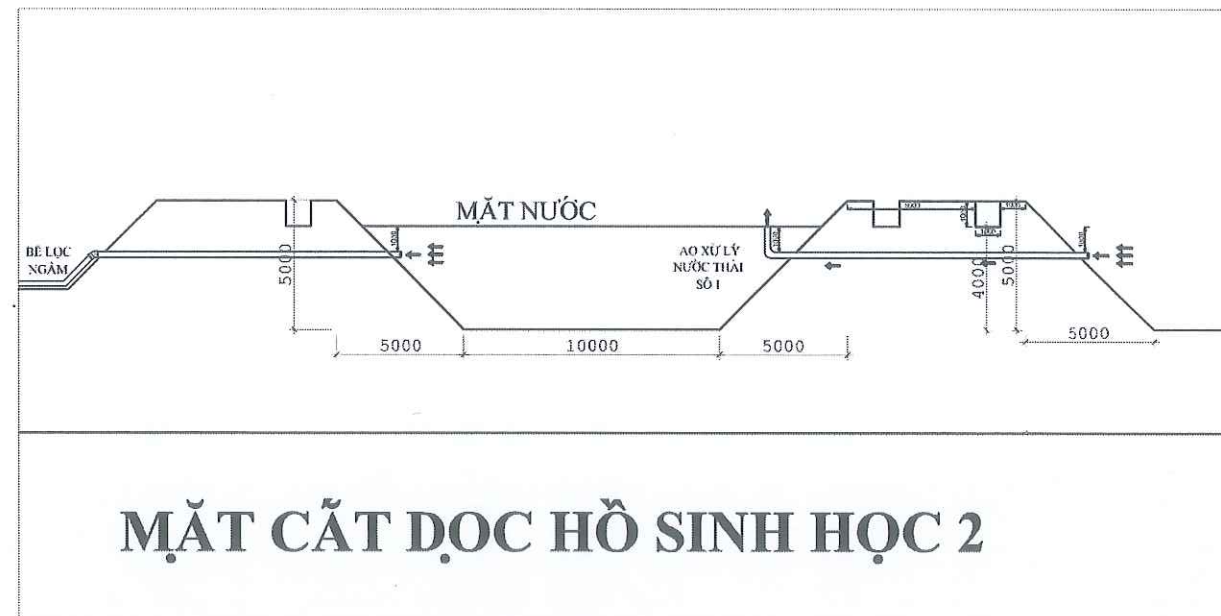
Ghi chú:

- Bờ hồ tạo độ dốc 1:1
- Rãnh lấp chân bát: 1m:1m
- Ống dẫn nước thải sang ao xử lý, sân phơi phân: ống nhựa Bình Minh 220mm
- Ống công dẫn nước thải tới hầm biogas: ống bê tông cốt thép đường kính lòng ống 400mm tạo độ dốc 1% về phía hầm biogas.
- Hô gas: 1m:1m : xây gạch tô 2 mặt, có nắp bằng bê tông cốt thép. các điểm giao nhau có một hô gas, các đường dẫn 15 m một hô.
- Đáy hồ, bờ hồ, phủ bạt KPI dày 1,2mm.
- ống cấp nước thải vào hồ biogas, dẫn nước thải sang ao xử lý, ống lấy phân, ống gom nước thải từ sân phơi phân sang hồ xử lý số 1 dùng ống nhựa Bình Minh φ 220mm.

Dự án: Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ
Gói thầu: Thi công xây dựng hệ thống xử lý nước thải.



MẶT BẰNG ĐÀO HỒ SINH HỌC 2



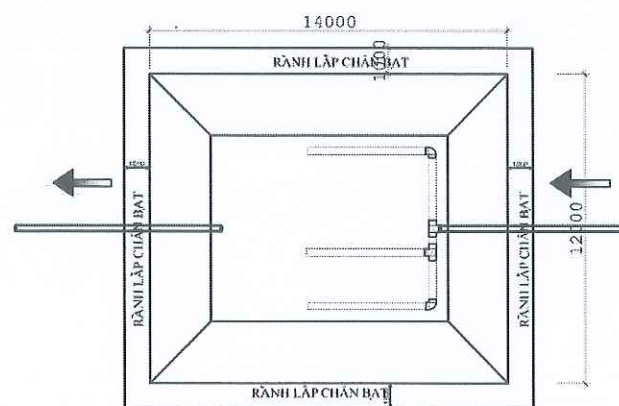
MẶT CẮT DỌC HỒ SINH HỌC 2

- Ghi chú:
- Bờ hồ tạo độ dốc 1:1
 - Rãnh lấp chân bát: 1m:1m
 - Ống dẫn nước thải sang ao xử lý, sân phơi phân: ống nhựa Bình Minh 220mm
 - Ống công dẫn nước thải tới hầm biogas: ống bê tông cốt thép đường kính lòng ống 400mm tạo độ dốc 1% về phía hầm biogas.
 - Hồ gas: 1m:1m : xây gạch tô 2 mặt, có nắp bằng bê tông cốt thép. các điểm giao nhau có một hồ gas, các đường dẫn 15 m một hồ.
 - Đáy hồ, bờ hồ, phủ hạt KPI dày 1,2mm.
 - ống cấp nước thải vào hồ biogas, dẫn nước thải sang ao xử lý, ống lấy phân, ống gom nước thải từ sân phơi phân sang hồ xử lý số 1 dùng ống nhựa Bình Minh ϕ 220mm.

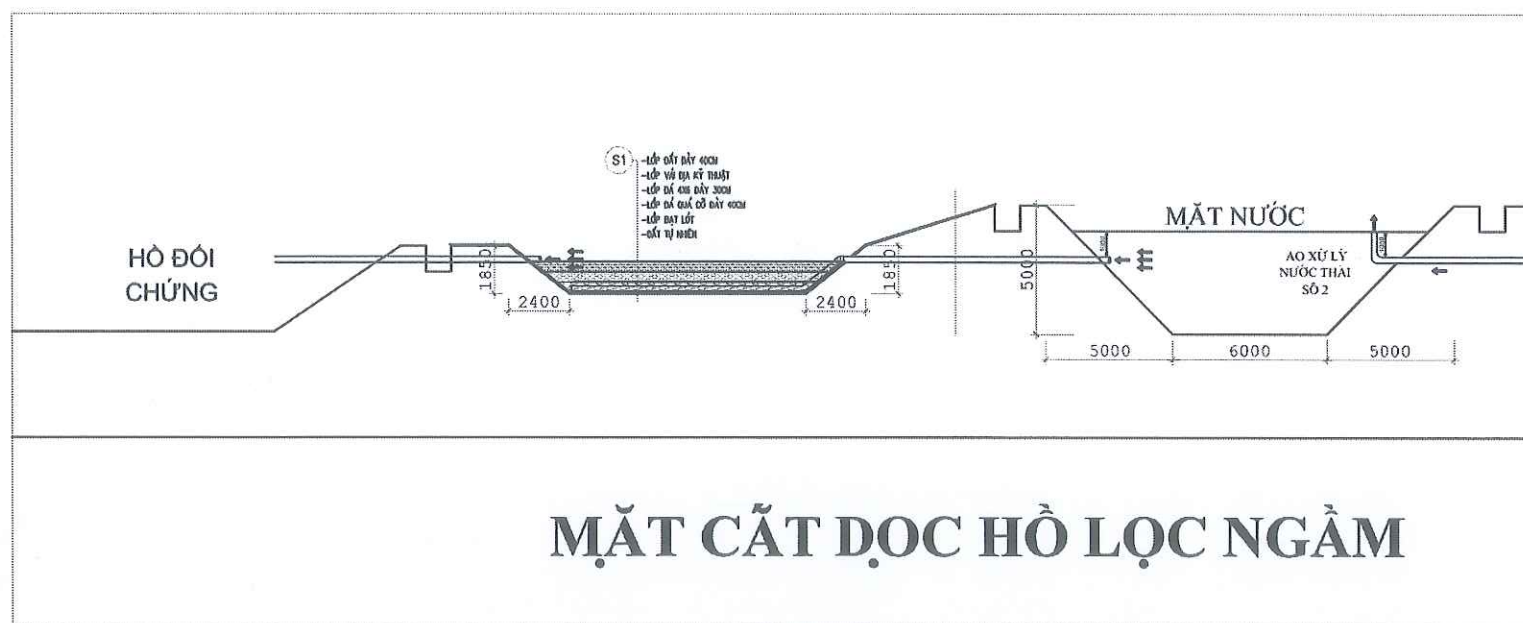
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 4 tháng 6 năm 2022		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>th</i>	<i>lo</i>	<i>Uud2</i>
<i>Ng Chi Thien</i>	<i>Ng Thoi Son</i>	<i>Truong Van Lan</i>

Dự án: Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ
Gói thầu: Thi công xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

HẦM BIOGAS: (dài:rộng:sâu)
 20m:22m:4m= 1.760 m³



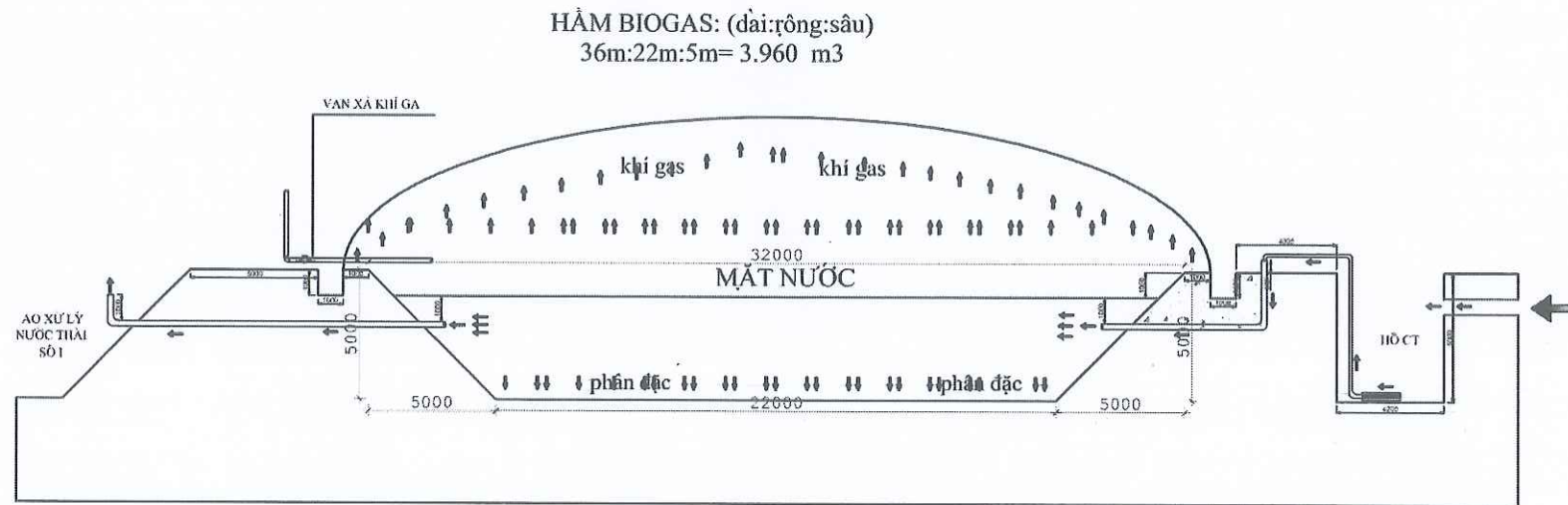
MẶT BẰNG HỒ LỌC NGẦM



MẶT CẮT DỌC HỒ LỌC NGẦM

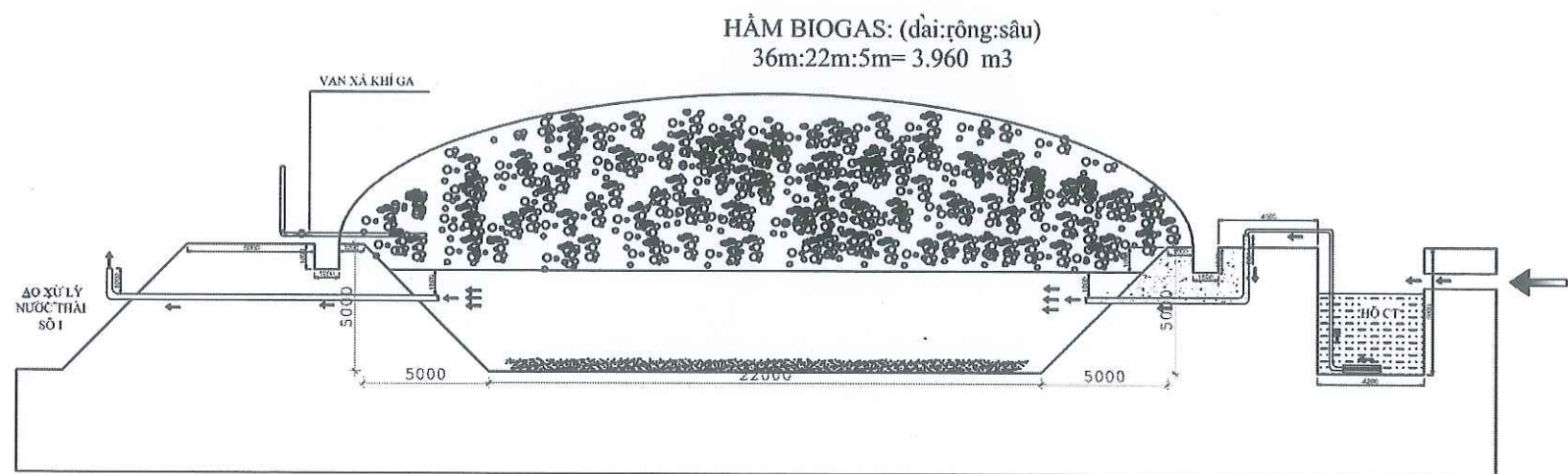
BAN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 4 tháng 6 năm 2022		
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
Ngô Chí Hoàn	Đặng Hoài Sơn	Trần Văn Lân

Dự án: Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại thôn Mai Đàn, xã Cam Chính, huyện Cam Lộ
Gói thầu: Thi công xây dựng hệ thống xử lý nước thải.



MẶT CẮT DỌC HỒ BIOGAS

- HỒ CT: 3.2m x 2.2m x 3m
- Đáy bê tông cốt thép dày 150mm, có đà rường 200x200mm.
 - Tường xây gạch thẻ dày 20cm, tô 2 mặt, quét hồ dầu chống thấm.
 - Mặt trên có nắp dẫy bằng bê tông cốt thép.



MẶT CẮT DỌC HỒ BIOGAS

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 4 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
Người lập: Nguyễn Thái	Chỉ huy trưởng: Nguyễn Thái Sơn	Tư vấn giám sát: Trương Văn Lợi

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HIỆN TRẠNG CỦA TRANG TRẠI



Cổng vào trang trại



Khu vực khử trùng của trang trại



Khu vực chăn nuôi



Kho chứa thuốc thú y, bơm kim tiêm



Thùng đựng rác thải sinh hoạt



Khu vực quỹ đất tiêu bố trí hồ hủy heo chết

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HIỆN TRẠNG CỦA TRANG TRẠI



Mương thoát nước mưa



Mương thu gom nước thải



Máy tách phân



Bể gom nước thải



Hầm biogas



Van xả khí hầm biogas

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HIỆN TRẠNG CỦA TRANG TRẠI



Hồ sinh học 1



Hồ sinh học 2



Bãi lọc ngầm



Hồ đôi chứng